

Bản án số: 438/2024/HS-PT

Ngày: 03 -6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Khánh Toàn- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 5 và 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 601/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 80/2023/HS-ST ngày 30-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. **Nguyễn Quang T** (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 27/8/1980, tại: Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT: 2 P, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: Như trên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Trung tâm U; Chức vụ đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đảng CSVN đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 17-QĐ/ĐUK ngày 02/02/2021 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh; Con ông Nguyễn Khắc T1, sinh năm: 1956 và bà Phùng Thị V, sinh năm: 1959; Gia đình bị cáo 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có Vợ là Bùi Thị Cẩm H, sinh năm: 1979; Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt).

2. **Nguyễn Hồng Đăng K** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 14/09/1981, tại: Tây Ninh; Nơi đăng ký HKTT: Căn hộ 20.10 Khối tháp D1 Chung cư S V, tổ dân phố số I, khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: 5 đường T, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH N9 và Công ty TNHH N10; Chức vụ đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Hồng S, sinh năm: 1958 và bà Hồ Thị Như T2, sinh năm: 1958; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ là Phan Thị Mỹ P, sinh năm: 1984; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang T theo yêu cầu:* Luật sư **Nguyễn Văn M** - Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ: F đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K theo yêu cầu:*

Luật sư **Nguyễn Huy H1** - Văn phòng L5, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

Luật sư **Lâm Thanh T3** - Văn phòng L5, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (vắng mặt).

Luật sư **Phan Hồng V1** – Công ty L6 (L7), thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Luật sư **Lê Văn T4** – Công ty L6 (L7), thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (xin xét xử vắng mặt).

- *Bị hại: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.*

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lại Thế T5** - Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông **Phạm L** – Phó phòng phụ trách phòng quản lý khoa học (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **Nguyễn Thị Khánh P1**, sinh năm 1981. Chức vụ: Giám đốc công ty T14 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 đường N, khu phố Ô, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Trần Hữu T6**, sinh năm 1979 – Chức vụ: Phó Giám đốc công ty T14 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 đường N, khu phố Ô, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. **Dương Thế P2**, sinh năm 1956. Chức vụ: Giám đốc công ty B2 năm 2014 trở về trước (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, đường số F, ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. **Nguyễn Khánh L1**, sinh năm 1989. Chức vụ: Giám đốc công ty B2 năm 2015 trở về sau (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, đường số F, ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

5. **Đặng Hoài N**, sinh năm 1992. Kỹ sư công ty B2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số F đường số C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. **Đinh Thị Bích H2**, sinh năm 1970. Chức vụ: Giám đốc công ty K2 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Đinh Thị Bích H2: Ông **Đinh Văn B**, sinh năm 1972 (chồng bà H2) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A đường B, phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. **Đinh Văn B** (chồng bà H2), sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường B, phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. **Bùi Văn L2**, sinh năm 1972. Chức vụ: Giám đốc công ty K3 (vắng mặt).

Địa chỉ: E đường H, tổ B, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

9. **Bùi Văn B1**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: E đường H, tổ B, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

10. **Trịnh Huy C**, sinh năm 1975 - Trung tâm K (vắng mặt).

Địa chỉ: Lô P, đường N, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

11. **Trương Văn T7**, sinh năm 1959 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: 9 đường P, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

12. **Đồng Thị Thu T8**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai

13. **Nguyễn Ngọc Thủy Đ**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: P, chung cư B, đường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

14. **Lê Quốc V2**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường L, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

15. **Ngô Ngọc T9**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, đường T, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

16. **Nguyễn Thị Thu T10**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường số A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

17. **Nguyễn Thị Thanh X**, sinh năm 1958 (Vợ bị can Sáng) (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C đường N, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

18. **Phan Thị Mỹ P**, sinh năm 1984. (Vợ bị cáo K) (vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ B Khối Tháp D chung cư S, số D V, tổ dân phố số I, khu phố B, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh

- Người làm chứng:

1. **Lê Thị An N1**, sinh ngày 24/3/1982, tại: Đồng Nai; Nơi đăng ký HKTT: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: Tổ A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

2. **Nguyễn Ngọc P3**, sinh năm 1973; Nơi đăng ký HKTT: 01/10/33 KDC Đ, tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

3. **Trần Thị Huỳnh H3**, sinh năm 1978; Nơi đăng ký HKTT: 181/37, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: C18, tổ H, Khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đ (viết tắt là Sở K4) được thành lập theo Quyết định số 1747/2003/QĐ-UBT ngày 17/6/2003 của UBND tỉnh Đ. Sở KH-CN có chức năng giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học và

công nghệ, chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của UBND tỉnh Đ và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ K5 và Công nghệ.

Ngày 24/02/2003, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 511/QĐ.CT-UBT về việc điều động và bổ nhiệm Phạm Văn S1 giữ chức vụ Giám đốc Sở KH-CN tỉnh Đ. Sáng được phân công nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo Phòng K6 và Trung tâm Ú (viết tắt là Trung tâm UDCNSHĐN), theo dõi hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ thành phố B và huyện C.

Ngày 06/02/2015, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 344/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm Nguyễn Ngọc P3 giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở KH-CN tỉnh Đ. P3 được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo phòng Q, phòng Q và phòng Pháp chế thuộc Sở KH-CN.

Trung tâm UDCNSHĐN được UBND tỉnh Đ thành lập theo Quyết định số 3911/QĐ-UBND ngày 21/11/2008. Trung tâm UDCNSHĐN là đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động theo điểm b khoản 1 điều 9 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ và chịu sự quản lý trực tiếp của Sở KH-CN tỉnh Đ.

Ngày 24/01/2014, Giám đốc Sở KH-CN ban hành Quyết định số 27/QĐ-KH-CN, số 28/QĐ-KH-CN về việc bổ nhiệm Nguyễn Quang T giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm UDCNSHĐN và bổ nhiệm Lê Thị An N1 giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm UDCNSHĐN. Nguyễn Quang T được phân công phụ trách công tác tổ chức cán bộ, kế hoạch, tài chính, tiền lương, thi đua khen thưởng, ký các hợp đồng lao động, xây dựng, mua sắm tài sản của Trung tâm...; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở K4 về toàn bộ hoạt động của Trung tâm; Lê Thị An N2 phân công phụ trách đề tài, dự án, nhiệm vụ; Phụ trách phòng Vi sinh ứng dụng, Phòng C2, Phòng C2, Phòng chuyển giao công nghệ... và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm UDCNSHĐN và trước pháp luật về phạm vi công tác được phân công phụ trách (BL 1747-1749).

Quá trình lập hồ sơ, báo cáo thuyết minh, báo cáo kinh tế kỹ thuật và triển khai thực hiện dự án “*Nhân rộng mô hình sản xuất rau, quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn V3*” và dự án “*Nhà màng nông nghiệp*” tại Trung tâm UDCNSHĐN, Phạm Văn S1, Nguyễn Quang T, Nguyễn Hồng Đăng K (Giám đốc Công ty N11 Giám đốc Công ty TNHH N10 Trí N3) và một số cá nhân tại Sở KH-CN, Trung tâm UDCNSHĐN đã có các sai phạm trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho ngân sách Nhà nước.

Kết quả điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị can, cụ thể như sau:

I. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí.

1. Đối với dự án “Nhân rộng mô hình sản xuất rau, quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn V3”.

Ngày 23/09/2014, Sở KHCN ban hành Quyết định số 235/QĐ-SKHCHN về việc, thành lập Hội đồng KHCN tư vấn xác định danh mục đề tài/dự án nghiên cứu khoa học cấp tỉnh năm 2015 thuộc chương trình “*Áp dụng đồng bộ KHCN phục vụ CNH – HĐH nông nghiệp và nông thôn tăng khả năng xuất khẩu và thu nhập của nông dân*” gồm 10 thành viên do ông Phạm Minh Đ1 (Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đ) làm Chủ tịch Hội đồng và Phạm Văn S1 (Giám đốc Sở KHCN) làm Phó Chủ tịch Hội đồng. Ngày 10/10/2014, Phạm Văn S1 thay mặt Hội đồng ký Biên bản số 1746/BB-SKHCHN thông qua 06 đề tài, dự án để đưa vào xét duyệt thuyết minh chi tiết trước khi trình Hội đồng KHCN cấp tỉnh thông qua, trong đó dự án “*Nhân rộng mô hình nhà màng trồng dưa lê và dưa leo*” từ kết quả đề tài “*Xây dựng mô hình sản xuất dưa leo, dưa lê trong nhà màng theo hướng VietGAP*” được Hội đồng bỏ phiếu đánh giá xếp loại ưu tiên thứ tự 05/06 đề tài, dự án. Tuy nhiên, trong Công văn số 1844/SKHCHN-QLK ngày 23/10/2014 do Phạm Văn S1 (Giám đốc Sở KHCN) ký gửi Trung tâm UDCNSHĐN về việc thông báo kết quả họp Hội đồng KHCN tư vấn xác định danh mục đề tài cấp tỉnh năm 2015 thì Phạm Văn S1 chỉ thông báo có 01 dự án “*Xây dựng mô hình sản xuất dưa leo, dưa lê trong nhà màng theo hướng VietGAP*” và đề nghị Trung tâm UDCNSHĐN lập hồ sơ nộp về Sở KHCN trước ngày 31/11/2014 để Hội đồng KH&CN tư vấn chuyên ngành xét duyệt thuyết minh đề tài, trong khi 04 đề tài khác được Hội đồng KHCN đánh giá bỏ phiếu xếp loại theo thứ tự ưu tiên từ số 01 đến số 04 đều do Trung tâm UDCNSHĐN đề xuất thực hiện thì Phạm Văn S1 không thông báo (BL 1753-1760).

Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ, Sở KHCN không lập biên bản mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCHN ngày 30/5/2014 của Bộ K5 và Công nghệ và Điều 6 Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Đ, cụ thể:

Hồ sơ chưa có đơn đăng ký thực hiện đề tài, dự án; chưa có giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; chưa có văn bản cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức tham gia dự án (ngày 02/02/2015 giữa Trung tâm UDCNSHĐN và Công ty TNHH N10 T6 Nguyễn mới ký giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu nhưng Trung tâm chưa xin chủ trương và được sự chấp thuận của UBND tỉnh vì dự án có sử dụng nguồn kinh

phí ngân sách Nhà nước; ngày 04/11/2015, Công ty TNHH N10 có văn bản cam kết tham gia dự án). Tuy nhiên, Phạm Văn S2 đưa hồ sơ này vào để xem xét, đánh giá.

Trong báo cáo thuyết minh dự án “*Nhân rộng mô hình rau quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn VietGap*” do Nguyễn Quang T (Giám đốc Trung tâm UDCNSHĐN) làm Chủ nhiệm dự án thể hiện:

Triển khai xây dựng nhà màng theo thiết kế với tổng diện tích 120.000m² với kế hoạch cụ thể như sau:

- + Năm 2015 xây dựng 40.000m² nhà màng;
- + Năm 2016 xây dựng 50.000m² nhà màng;
- + Năm 2017 xây dựng 30.000m² nhà màng.

Dự toán nguồn kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai thực hiện dự án là khoảng 88.033.410.000 đồng. Trong đó:

- + Nguồn kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học khoảng 17.275.500.000 đồng;
- + Nguồn kinh phí khác khoảng 70.757.910.000 đồng.

Ngoài ra, trong báo cáo thuyết minh dự án có đề cập sẽ thành lập một doanh nghiệp khoa học công nghệ với tỉ lệ góp vốn thực hiện dự án trên 81% tương đương trên 70 tỉ đồng, mục tiêu xây dựng được mô hình sản xuất rau, quả theo tiêu chuẩn VietGap tại xã X, huyện C thành điểm trình diễn phục vụ công tác đào tạo, tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, bao tiêu đầu ra giúp bà con nông dân, doanh nghiệp phát triển và nhân rộng phương pháp trồng rau ứng dụng công nghệ cao đạt năng suất, chất lượng cao.

Tuy nhiên, nội dung báo cáo thuyết minh không ghi cụ thể địa điểm, vị trí xây dựng 120.000m² nhà màng và không nêu rõ phương án huy động vốn từ nguồn khác tham gia dự án (nguồn vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước) kèm theo các văn bản pháp lý chứng minh về khả năng huy động vốn từ nguồn khác theo mẫu quy định ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 của Bộ K5 và Công nghệ nhưng tại cuộc họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành vào ngày 25/12/2014, do Phạm Văn S1 làm Chủ tịch Hội đồng (theo Quyết định số 319/QĐ-SKH&CN ngày 16/12/2014) vẫn tiến hành họp thống nhất thông qua thuyết minh Dự án trên trình HĐKH&CN cấp tỉnh. Tiếp đó, ngày 20/01/2015, HĐKH&CN cấp tỉnh gồm 17 thành viên do Phạm Văn S1 làm Chủ tịch hội đồng (theo Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 02/11/2009 của UBND tỉnh Đ) đã bỏ phiếu thông qua 12 nhiệm vụ khoa học công nghệ triển khai thực

hiện trong năm 2015 trong đó có dự án “*Nhân rộng mô hình sản xuất rau, quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn V3*”.

Sau khi được HĐKH&CN cấp tỉnh thông qua, Phạm Văn S1 không chỉ đạo thành lập Tổ thẩm định kinh phí để tiến hành thẩm định nguồn kinh phí thực hiện đối với từng dự án theo quy định, nhưng ngày 27/01/2015, Phạm Văn S1 vẫn ký Văn bản số 11/TTr-SKH&CN trình UBND tỉnh Đ ban hành quyết định phê duyệt danh mục 12 nhiệm vụ khoa học công nghệ triển khai thực hiện trong năm 2015. Căn cứ vào tờ trình trên, ngày 05/2/2015, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 329/QĐ-UBND phê duyệt danh mục 12 nhiệm vụ khoa học công nghệ để triển khai nghiên cứu năm 2015 trong đó có dự án “*Nhân rộng mô hình sản xuất rau, quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn V3*”(gọi tắt là dự án “*Nhà màng VietGap*”) đồng thời, giao trách nhiệm cho Phạm Văn S1 (Giám đốc Sở KH&CN) tổ chức, quản lý triển khai theo quy định.

Sau khi dự án “*Nhà màng VietGap*” được UBND tỉnh Đ phê duyệt, Phạm Văn S1 không tham mưu cho UBND tỉnh Đ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh theo quy định tại Điều 27 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 mà Phạm Văn S1 đã trực tiếp ký hợp đồng và giao cho Trung tâm U triển khai, thực hiện dự án, cụ thể:

Ngày 14/4/2015, Phạm Văn S1, Giám đốc Sở KH&CN (đại diện bên A) ký hợp đồng nghiên cứu khoa học số 179/HĐ-SKH&CN với Trung tâm UDCNSH&ĐN do Lê Thị An N1, Phó Giám đốc (đại diện bên B), trong đó có nội dung: Bên A giao cho bên B thực hiện dự án “*Nhân rộng mô hình sản xuất rau quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn VietGap*” do ông Nguyễn Quang T chủ nhiệm; thực hiện các nội dung, tiến độ sản phẩm khoa học cụ thể theo nội dung ghi trong bản thuyết minh dự án đã được Hội đồng KH&CN thông qua; thời gian thực hiện là 30 tháng, từ tháng 04/2015 đến tháng 10/2017. Tổng kinh phí dự kiến là 88.033.410.000 đồng, trong đó: kinh phí từ sự nghiệp khoa học là 17.275.500.000 đồng và kinh phí khác là 70.759.910.000 đồng; sản phẩm giao nộp là 120.000m² nhà màng, mô hình sản xuất rau quả trong nhà màng, báo cáo tổng kết, đăng ký kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Về việc thành lập doanh nghiệp K7 (Công ty TNHH N10) để phối hợp thực hiện dự án “Nhà màng VietGap”.

Ngày 10/12/2014, Nguyễn Hồng Đăng K, Giám đốc Công ty TNHH N9 (viết tắt là Công ty N9) có báo cáo xin chủ trương đầu tư nội dung về việc thành lập Công ty TNHH N10 (viết tắt là Công ty N10) để đầu tư dự án “*Xây dựng Trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, thực nghiệm và chuyển giao các loại giống rau, quả ứng dụng công nghệ cao*” tại Trung tâm UDCNSH&ĐN. Ngày

23/12/2014, Hội đồng KHCN tư vấn do Phạm Văn S1 làm Chủ tịch Hội đồng đã xét duyệt thông qua báo cáo xin chủ trương đầu tư dự án trên (mặc dù tại thời điểm này, Công ty N10 chưa được thành lập nên không có hồ sơ pháp nhân của công ty này nhưng Phạm Văn S3 vẫn xét duyệt thông qua). Đến ngày 19/01/2015, Công ty N10 mới được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp phép thành lập doanh nghiệp (loại hình công ty TNHH B3 thành viên trở lên), có trụ sở tại địa chỉ Lô X, Trung tâm UDCNSHĐN, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai do Nguyễn Hồng Đăng K (đại diện Công ty N9) góp 17.500.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 58,33% vốn góp) làm Giám đốc, bà Nguyễn Thanh X(vợ của Phạm Văn S1) là thành viên góp 12.500.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 41,67% vốn góp. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, K đã phối hợp với Nguyễn Quang T và Phạm Văn S1 để hoàn thành các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty N10, cụ thể:

Ngày 26/01/2015, Nguyễn Hồng Đăng K (đại diện Công ty N10) có đơn gửi UBND tỉnh Đ, Sở kế hoạch và đầu tư và Sở KHCN tỉnh K4 đề nghị xác nhận địa điểm đầu tư tại các thửa đất XNN1, XNN2, XNN3, XNN4, XNN5 có tổng diện tích 15,4 ha tại Trung tâm UDCNSHĐN. Cùng ngày 26/01/2015, giữa Trung tâm UDCNSHĐN do Nguyễn Quang T, Giám đốc (đại diện bên A) với Công ty T15 Nguyễn Hồng Đăng K, Giám đốc (đại diện bên B) đã ký biên bản thỏa thuận ghi nhớ về việc xác nhận địa điểm đất thuộc Trung tâm UDCNSHĐN trong đó có nội dung: Bên B đăng ký thành lập doanh nghiệp mới với tên gọi Công ty TNHH N10 Trí N3; bên A chấp thuận cho bên B được đầu tư vào Khu Trung tâm UDCNSHĐN để thực hiện dự án “*Xây dựng Trung tâm nghiên cứu thử nghiệm, thực nghiệm và chuyển giao các loại giống rau quả ứng dụng công nghệ cao*”. Địa điểm: vị trí theo sơ đồ từ điểm A1 đến A7, diện tích 15,4 ha tại các lô đất từ XNN1 đến XNN5 thuộc Trung tâm UDCNSHĐN, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai kèm theo sơ đồ vị trí lô đất được Nguyễn Quang T ký đóng dấu xác nhận vào ngày 27/01/2015. Biên bản thỏa thuận ghi nhớ này cũng được Phạm Văn S1 (Giám đốc Sở KHCN) ký đóng dấu xác nhận.

Ngày 27/01/2015, Phạm Văn S1 ký Văn bản số 118/SKHCN-UCS về việc chấp thuận cho công ty N10 Nguyễn đầu tư dự án trên 01 phần diện tích đã được UBND tỉnh cấp giấy CNQSD đất cho Sở KHCN; ngày 04/02/2015, Phạm Văn S1 ký tiếp Văn bản số 149/SKHCN-UCS đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình UBND tỉnh cho Công ty N10 Nguyễn đầu tư dự án vào Trung tâm UDCNSHĐN.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án của Công ty N10, Sở Kế hoạch và Đầu tư phát hiện ký hiệu các lô đất trên không đúng trong quy hoạch của Trung tâm UDCNSHĐN nên chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng

nhận đầu tư. Ngày 24/3/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 609/SKHĐT-TH kiến nghị sẽ trình UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án sau khi có quyết định điều chỉnh cục bộ đối với vị trí dự án của Công ty N10 trong quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 của Trung tâm UDCNSHĐN.

Ngày 19/5/2015, UBND tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 1275/QĐ-UBND về việc duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 đối với Trung tâm UDCNSHĐN; ngày 27/5/2015, Sở KHCHN có Văn bản số 668/SKHCHN-UCS xác nhận vị trí đất đầu tư của Công ty N10 tại các lô từ XN15 đến XN19 (tương ứng với các lô từ XNN1 đến XNN5 do Trung tâm UDCNSHĐN thỏa thuận với Công ty N10). Đến ngày 15/6/2015, Công ty N10 được UBND tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000456; ngày 05/08/2015, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2251/QĐ-UBND về việc thu hồi 154.447,4m² đất (được tách ra từ thửa đất số 154, tờ bản đồ số 8 do Sở KHCHN là chủ sở hữu) tại xã X, huyện C do Sở KHCHN tỉnh Đ quản lý để cho Công ty N10 Nguyễn thuê vào mục đích xây dựng Trung tâm nghiên cứu thử nghiệm, thực nghiệm và chuyển giao các loại giống, rau quả ứng dụng công nghệ cao, thời hạn 50 năm, từ ngày 15/6/2015, hình thức thuê đất là trả tiền hằng năm và ngày 09/11/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB654299 (DT: 154.447,4m²) cho Công ty N10 quản lý và sử dụng.

Quá trình thực hiện dự án “*Xây dựng Trung tâm nghiên cứu thử nghiệm, thực nghiệm và chuyển giao các loại giống rau quả ứng dụng công nghệ cao*” Công ty N10 đã không thực hiện hoạt động đầu tư theo nội dung trong giấy chứng nhận đầu tư; không đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh khi không góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký; không lập Sở đăng ký thành viên vi phạm Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ. Ngày 29/03/2019, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ ra Quyết định số 33/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Công ty N10.

Quá trình triển khai thực hiện dự án “Nhà màng VietGap”

Sau khi ký Hợp đồng nghiên cứu khoa học số 179/HĐ-SKHCHN giữa Sở K4 và Trung tâm UDCNSHĐN để thực hiện dự án “*Nhà màng VietGap*” trong đó có việc lắp dựng 03 khối nhà màng số 4, 6, 9 với tổng diện tích 22.080m² trị giá 14.041.690.000 đồng từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước (theo phụ lục hợp đồng nghiên cứu khoa học số 398/PLHĐ-SKHCHN ngày 31/10/2017) được Phạm Văn S1 và Nguyễn Quang T xác định là gói thầu mua sắm thiết bị nên đã không xác định cụ thể tọa độ, vị trí lắp dựng 03 khối nhà màng này và không triển khai thực hiện các giai đoạn: lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, tổ chức thi công,

nghiệm thu 03 khối nhà màng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Do vậy, khi Lê Thị An N1 được Nguyễn Quang T ủy quyền ký các giấy tờ liên quan đến dự án “*Nhà màng VietGap*” (theo giấy ủy quyền số 49A/GUQ-UCS ngày 14/4/2015) gồm quyết định phê duyệt dự toán các gói thầu, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chỉ định thầu và ký hợp đồng với các nhà thầu để triển khai, thực hiện dự án đã không thực hiện theo trình tự, thủ tục đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 44 Luật Đầu tư công năm 2014 và khoản 10 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014. Trong đó, đối với hợp đồng cung cấp và lắp dựng nhà màng số 20-07515-NN-9.6 ký ngày 01/07/2015 giữa Trung tâm UDCNSHĐN do Lê Thị An N1, Phó Giám đốc (đại diện bên A) với Công ty TNHH N9 (gọi tắt là Công ty N9) do Nguyễn Hồng Đăng K, Giám đốc (đại diện bên B) để thi công gói thầu số 1 “Cung cấp và lắp dựng nhà màng thuộc dự án nhà màng VietGap”, trong hợp đồng không ghi cụ thể vị trí xây dựng của 03 khối nhà màng này mà chỉ ghi chung chung địa điểm xây dựng 03 khối nhà màng này tại “*Block 4, Block F, Block I C, Đồng Nai, Việt Nam*”. Sau đó 03 khối nhà màng số 4, 6, 9 được xây dựng trên đất của Công ty N10 đã được Phạm Văn S1 và Nguyễn Quang T xác nhận địa điểm đất đầu tư ngày 26/01/2015 và được UBND tỉnh Đ cấp giấy CNQSD đất như đã nêu trên.

Kết quả điều tra đã làm rõ:

Do có sự thỏa thuận bằng miệng từ trước giữa Phạm Văn S1 và Nguyễn Hồng Đăng K (Giám đốc Công ty N10) về hợp tác công tư bằng việc, Trung tâm UDCNSHĐN góp vốn bằng các khối nhà màng trên, còn Công ty N10 Nguyễn góp đất đã thuê để thực hiện dự án “*Nhà màng VietGAP*” nên Phạm Văn S1 đã chỉ đạo Nguyễn Quang T cho Nguyễn Hồng Đăng K xây 03 khối nhà màng này trên vị trí đất mà T và S1 đã giới thiệu địa điểm đất để cho Công ty N10. Do đó, từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/7/2016, Nguyễn Hồng Đăng K đã tiến hành thi công, lắp dựng 03 khối nhà màng trong phần diện tích 15,4 ha đất nêu trên của Công ty N10.

Đến ngày 07/12/2015, Sở KH-CN mới tổ chức họp Tổ thẩm định kinh phí thông qua nguồn kinh phí thực hiện dự án “*Nhà màng VietGap*” với tổng số tiền là 86.365.967.000 đồng, bao gồm nguồn kinh phí từ Ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ là 15.608.057.000 đồng và kinh phí từ nguồn khác là 70.757.910.000 đồng. Quá trình tham gia thẩm định, Phạm Văn S1 và Nguyễn Quang T đã không yêu cầu Tổ thẩm định tổ chức kiểm tra, xác minh phần kinh phí đối ứng (ngoài ngân sách nhà nước) số tiền 70.757.910.000 đồng của Công ty N10 cam kết góp vốn theo quy định. Sau đó, Tổ thẩm định vẫn họp thông qua nguồn kinh phí này dẫn đến Công ty N10 không đủ năng lực, kinh nghiệm

nghiên cứu khoa học để phối hợp thực hiện dự án như đã cam kết và nêu trong nội dung thuyết minh dự án.

Ngoài ra, quá trình thực hiện dự án nhà màng VietGap, từ ngày 14/01/2016 đến ngày 30/01/2018, Sở KHHCN đã 04 lần tổ chức họp kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện dự án bao gồm: nội dung khoa học; tiến độ thực hiện; tình hình sử dụng kinh phí và các nội dung khác theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ K8 quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Các lần kiểm tra, đánh giá, Tổ kiểm tra đều không xuống hiện trường để kiểm tra, đánh giá việc xây dựng 03 khối nhà màng này theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ K8 mà chỉ dựa vào báo cáo nội dung khoa học, tiến độ thực hiện dự án; bảng kê chứng từ và bảng kê chi tiết tình hình sử dụng kinh phí của Trung tâm UDCNSHĐN để kiểm tra, đánh giá và kết luận, Trung tâm UDCNSHĐN thực hiện dự án đúng thuyết minh, tiến độ. Mặt khác, các cuộc họp trên đều có sự tham gia của Nguyễn Quang T (Giám đốc TTUDCNSHĐN kiêm Chủ nhiệm dự án), trong đó tại cuộc họp lần thứ 3 ngày 31/10/2017 do Phạm Văn S1 chủ trì có sự tham gia của Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K. Tại cuộc họp này cả S1, T và K đều biết rõ 03 khối nhà màng này đã được xây trên đất của Công ty N10 nhưng S1, T và K đều không thông báo việc này cho các thành viên tham dự cuộc họp biết. Do đó, Tổ kiểm tra đã không phát hiện ra sai phạm này và đồng ý tạm quyết toán kinh phí đã cấp của năm trước và tiếp tục cấp phát kinh phí của năm sau để thực hiện dự án (gồm năm 2015: 5.707.000 đồng; năm 2016: 8.450.000.000 đồng; năm 2017: 3.500.000.000 đồng). Tổng kinh phí xây dựng 03 khối nhà màng của dự án “*Nhà màng VietGAP*” mà ngân sách nhà nước đã tạm ứng chi là 12.045.707.000 đồng.

Đến ngày 30/07/2016, Lê Thị An N1, Phó Giám đốc Trung tâm UDCNSHĐN (đại diện chủ đầu tư), Nguyễn Hồng Đăng K, Giám đốc Công ty N9 (đại diện đơn vị thi công) và Nguyễn Thị Khánh P1, Giám đốc Công ty TNHH MTV T14 (gọi tắt là Công ty T14, đại diện đơn vị tư vấn giám sát) đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình 03 khối nhà màng trên. Sau khi nghiệm thu xong, Phạm Văn S1 và Nguyễn Quang T cũng không yêu cầu Công ty N12 bàn giao 03 khối nhà màng cho Trung tâm UDCNSHĐN quản lý, sử dụng mà để cho Công ty N10 chiếm dụng, quản lý phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty N10 thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 14.160.500.000 đồng.

Tài liệu điều tra đã xác định hành vi phạm tội của các bị can như sau:

1.1. Bị can Phạm Văn S1: Là Giám đốc Sở KHCN trực tiếp phụ trách Trung tâm UDCNSHĐN và được giao nhiệm vụ tổ chức quản lý triển khai nhiệm vụ KHCN theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND tỉnh Đ; đại diện Sở KHCN ký Hợp đồng nghiên cứu khoa học số 179 ngày 14/4/2015 với Trung tâm UDCNSHĐN và là Chủ tịch Hội đồng KHCN xét duyệt thuyết minh dự án “Nhà màng VietGap” và xét duyệt báo cáo xin chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng Trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, thực nghiệm và chuyển giao các loại giống rau, quả ứng dụng công nghệ cao” tại Trung tâm U của Công ty N10. Đồng thời, Phạm Văn S1 cũng là người ký văn bản đề nghị các Sở ngành và UBND tỉnh Đ chấp thuận địa điểm cho Công ty N10 Nguyễn đầu tư dự án trên vào Trung tâm UDCNSHĐN. Quá trình xét duyệt hồ sơ thuyết minh và tổ chức triển khai thực hiện dự án “Nhà màng VietGap”, Phạm Văn S1 đã làm trái quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ K5 và Công nghệ và Điều 6 Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Đ trong việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước; vi phạm Điều 27 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 về thẩm quyền ký Hợp đồng nghiên cứu khoa học cấp tỉnh; vi phạm Điều 14 Nghị định số 43/2015 ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; vi phạm trong việc thi công lắp dựng 03 khối nhà màng của dự án “nhà màng Vietgap” không tuân theo các quy định của pháp luật về đầu tư công, về đấu thầu và các quy định pháp luật về xây dựng (BL 7818-7858).

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, bị can Phạm Văn S1 khai: Việc Trung tâm lựa chọn Công ty N10 là đơn vị cùng phối hợp thực hiện dự án Vietgap là đúng pháp luật. Tuy nhiên việc lựa chọn đơn vị tham gia phối hợp thực hiện dự án phải xin ý kiến chủ trương và phải được sự chấp thuận của UBND tỉnh vì dự án này được thực hiện bằng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước. Trên thực tế, Trung tâm đã không thực hiện các thủ tục xin ý kiến UBND tỉnh và chưa được UBND tỉnh chấp thuận; bị can Sáng nhận thức được việc xây dựng 03 khối nhà màng của dự án V đã được xác định sai vị trí và việc Công ty N10 Nguyễn hiện đang quản lý và sử dụng 03 khối nhà màng này là sai theo cam kết trong hợp đồng nghiên cứu khoa học, kinh phí phải được thu hồi theo quy định của pháp luật; bị can Sáng khai biết việc xây dựng 03 khối nhà màng sai vị trí từ tháng 5/2017 nhưng lại không thể hiện nội dung sai phạm trong biên bản kiểm tra đánh giá ngày 31/10/2017 của sở KHCN do bị can chủ trì là vì muốn tạo cơ hội cho Giám đốc Trung tâm tiếp tục xin ý kiến của Trưởng ban Q1, công nghệ sinh học Đ thống nhất giải quyết sai phạm trong cuộc họp hội đồng KHCN sơ kết dự án vào tháng 12/2017.

1.2. Bị can Nguyễn Quang T: Là Giám đốc Trung tâm UDCNSHĐN được giao là chủ nhiệm dự án “Nhà màng VietGAP” đồng thời là người trực tiếp ký biên bản thỏa thuận ghi nhớ về việc xác nhận địa điểm đất thuộc Trung tâm UDCNSHĐN cho Công ty N10 Nguyễn đầu tư vào Khu Trung tâm UDCNSHĐN để thực hiện dự án “*Xây dựng Trung tâm nghiên cứu thử nghiệm, thực nghiệm và chuyển giao các loại giống rau quả ứng dụng công nghệ cao*”; trực tiếp tham dự họp tổ thẩm định kinh phí và 04 lần tham dự họp tổ kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện dự án “Nhà màng VietGAP” do Sở KH-CN tổ chức. Ngoài ra bị can còn là người ký hồ sơ thanh toán, giải ngân thực hiện đầu tư dự án “Nhà màng VietGAP” với số tiền 14.160.500.000 đồng. Quá trình lập hồ sơ, báo cáo thuyết minh dự án Nguyễn Quang T đã không đưa vị trí xây lắp cụ thể của 03 khối nhà màng tại Trung tâm UDCNSHĐN để hoàn thiện thuyết minh dự án; quá trình tổ chức triển khai thực hiện dự án, Nguyễn Quang T cùng với Phạm Văn S1 xác định việc lắp dựng 03 khối nhà màng theo quy trình mua sắm thiết bị mà không thực hiện trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về đấu thầu, luật đầu tư công và các quy định pháp luật về xây dựng. Sau đó, 03 khối nhà màng này đã được bị can Nguyễn Hồng Đăng K1 công, lắp dựng trên phần đất của Công ty N10. Sau khi nghiệm thu, Nguyễn Quang T cũng không chỉ đạo Công ty N9 bàn giao lại cho Trung tâm UDCNSHĐN quản lý, sử dụng mà để cho Công ty N10 chiếm dụng, quản lý phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty N10 thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 14.160.500.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình lập hồ sơ, báo cáo thuyết minh và triển khai thực hiện dự án, bị can T đã không yêu cầu Công ty N10 (đơn vị phối hợp tham gia thực hiện dự án) cung cấp đầy đủ các văn bản, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính để tham gia phối hợp thực hiện dự án dẫn đến Công ty N10 đã không đủ năng lực tài chính để triển khai xây dựng 80.000m² nhà màng thuộc dự án “*Nhà màng VietGAP*” theo Văn bản mà Công ty N10 đã cam kết ngày 04/11/2015 (BL 1898).

Quá trình điều tra bị can Nguyễn Quang T khai: Ngay từ đầu khi thuyết minh dự án Trung tâm UDCNSHĐN bị can T đã xác định dự án này triển khai theo công tác mua sắm thiết bị, vì trước đây, từ năm 2011-2014, Trung tâm cũng đã triển khai thực hiện 06 đề tài tương tự và đều được triển khai thực hiện là mua sắm thiết bị, tuy nhiên các dự án này có quy mô nhỏ; Ông S1 (Giám đốc Sở KH-CN) là người chỉ đạo xây dựng 03 khối nhà màng số 4, 6, 9 của dự án “*VietGap*” trên thửa đất số 61, tờ bản đồ địa chính số 04 tại xã X, huyện C do Công ty N10 quản lý; bị can T nhận thức được vai trò là chủ nhiệm dự án thì bị can phải đề xuất Sở KH-CN vị trí xây lắp để hoàn thiện thuyết minh dự án nhưng đã để xảy ra sai phạm này. Hậu quả, sau khi dự án xây dựng xong thì được sử

dụng cho mục đích của Công ty N10 mặc dù được xây dựng bằng tiền ngân sách Nhà nước và xây dựng trên vị trí đất được UBND tỉnh cấp cho Công ty N10(BL1057-1185).

1.3. Bị can Nguyễn Hồng Đăng K: Là Giám đốc Công ty N11 Giám đốc Công ty N10. Đối với dự án “*Nhà màng ViệtGap*”, Công ty TNHH N9 là đơn vị trúng thầu gói thầu số 1 xây dựng 03 nhà màng nông nghiệp theo hợp đồng bán hàng cung cấp và lắp dựng nhà màng số 20-07515-NN-9.6 ngày 01/7/2015. Do xác định đây là gói thầu mua sắm thiết bị nên khi ký hợp đồng cung cấp và lắp dựng 03 khối nhà màng của “*Nhà màng VietGap*”, K đã không yêu cầu Trung tâm UDCNSHĐN xác định vị trí xây dựng cụ thể của 03 block nhà màng này và không yêu cầu Trung tâm lập biên bản bàn giao mặt bằng cho Công ty N9 theo quy định. Sau đó 03 khối nhà màng này đã được Khoa thi công xây dựng trên đất của Công ty N10 cũng do K làm Giám đốc. Hiện tại, 03 khối nhà màng này đang được Nguyễn Hồng Đăng K chiếm dụng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gây thiệt hại tài sản của Nhà nước số tiền 14.160.500.000 đồng.

Bị can Nguyễn Hồng Đ2 khoa khai nhận: Theo thỏa thuận về hợp tác công tư giữa bị can với bị can Phạm Văn S1 thì Trung tâm UDCNSHĐN góp vốn bằng 03 block nhà màng, còn Công ty Trí Nguyễn góp đất đã thuê, quản lý nghiên cứu, sản xuất và đầu tư theo các công trình khác trên diện tích đất đã thuê này để thực hiện dự án. Việc thỏa thuận này bằng miệng giữa K và S1 và S1 sẽ chỉ đạo cho Nguyễn Quang T thực hiện, nên khi xây 03 block nhà màng này bị can K đã xây trên đất của Công ty N10, sau đó sử dụng 03 khối nhà màng này để phục vụ hoạt động, sản xuất, kinh doanh của công ty. K thừa nhận, không có văn bản, quyết định nào của Sở KHCN và UBND tỉnh chấp thuận cho Công ty N13 thi công xây dựng 03 block nhà màng này trên đất của Công ty N10 (BL 883-963).

Ngày 27/4/2020 và ngày 19/5/2020, Trung tâm T ban hành báo cáo Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 80/TVQHKĐ-TNKĐ và báo cáo Kết luận giám định tư pháp Xây dựng bổ sung số 915/TVQHKĐ-TNKĐ xác định: *Việc thi công lắp dựng 03 khối nhà màng của dự án “Nhân rộng mô hình sản xuất rau, quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn V3” được xác định là gói thầu xây lắp và việc Sở KHCN và Trung tâm UDCNSHĐN xác định đây là gói thầu mua sắm thiết bị là sai so với quy định tại Khoản 10 Điều 3 luật Xây dựng 2014, Khoản 45 Điều 4 và Khoản 3 Điều 33 [Luật Đấu thầu](#) 43/2013/QH13...; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đ đã triển khai việc đầu tư xây dựng 3 khối nhà màng này không đúng theo quy trình dự án đầu tư xây dựng công trình của Luật Xây dựng*

2014, vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật Xây dựng 2014 là “Quyết định đầu tư xây dựng không đúng với quy định của Luật này”(BL 127-157).

Ngày 17/05/2022, Giám định viên tư pháp Sở Tài chính tỉnh Đ đã ban hành Kết luận giám định số 2694/KLGD-GĐV (thay thế Kết luận giám định số 79/KLGD-GĐV ngày 29/12/ 2020) xác định: Việc thực hiện xây dựng 03 nhà màng theo tiêu chuẩn VietGAP theo quy trình gói thầu mua sắm thiết bị, là hoàn toàn không đúng với các quy định của pháp luật; Trong quá trình thực hiện, Sở K9 tiến hành một loạt các bước quy trình trái quy định tại các Văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, Sở K9 ký Hợp đồng nghiên cứu khoa học cấp tỉnh số 179/HĐ-SKHCN ngày 14/04/2015 và Phụ lục Hợp đồng nghiên cứu khoa học số 398/PLHĐ-SKHCN ngày 31/10/2017, sai thẩm quyền với Trung tâm UDCNSHĐN và giao Trung tâm UDCNSHĐN làm Chủ đầu tư, phối hợp với Công ty N10 Nguyễn cùng thực hiện dự án: “Nhân rộng mô hình sản xuất rau, quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn VietGAP”, vi phạm Điều 27 Luật khoa học và công nghệ năm 2013. Dẫn đến, Chủ đầu tư – Trung tâm UDCNSHĐN tiếp tục tiến hành một loạt các bước quy trình vi phạm pháp luật, trái quy định tại các Văn bản quy phạm pháp luật, vi phạm điểm a khoản 2 Điều 6 Luật đấu thầu năm 2013 và Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015. Vì vậy, toàn bộ kinh phí do ngân sách cấp đã giải ngân thanh toán để thực hiện dự án: “Nhân rộng mô hình sản xuất rau, quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn VietGAP” là số tiền thất thoát và gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước, với số tiền: 14.160.500.000 đồng; toàn bộ quá trình thực hiện dự án “Nhà màng VietGAP” của Chủ đầu tư là Trung tâm Ủ, cùng Sở KH&CN và các đơn vị tư vấn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm vì đã vi phạm các quy định của pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền đã thanh toán, giải ngân để thực hiện dự án như đã nêu trên; việc Sở KHCN thực hiện dự án: “Nhà màng VietGAP (trong đó, xây dựng 03 nhà màng nông nghiệp) được chi từ Ngân sách nhà nước bằng nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ là không đúng quy định, mà phải được chi từ nguồn vốn đầu tư công(BL 7381-7397).

2. Đối với dự án “Nhà màng nông nghiệp”

Dự án này do Trung tâm U làm Chủ đầu tư được UBND tỉnh Đ phê duyệt theo Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 và Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 31/7/2015 với tổng kinh phí dự án là 14.500.000 đồng. Thời gian thực hiện dự án từ năm 2015-2016 với mục tiêu: Xây dựng nhà màng phục vụ cho việc trồng cây dưa leo, dưa lê cho năng suất cao nhằm từng bước đưa đề tài khoa học “Xây dựng mô hình sản xuất dưa leo, dưa lê trong nhà màng theo hướng VietGap” vào sản xuất đại trà. Quy mô diện tích chiếm đất

của dự án là 19.471,2m², địa điểm xây dựng là khu đất trong Vườn thực nghiệm 1 thuộc Trung tâm U (xã X, huyện C), cụ thể:

Ngày 21/8/2014, Phạm Văn S1 ký Tờ trình số: 28/TTr-SKHCN V/v xin chủ trương đầu tư xây dựng các hạng mục công trình tại Trung tâm UDCNSHĐN (trong đó Sở KHCN xin đầu tư Nhà màng nông nghiệp năm 2015); Ngày 12/11/2014 và ngày 22/12/2014, Phạm Văn S1 ký Tờ trình số 47/TTr-SKHCN và Tờ trình số 63/TTr-SKHCN gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị xin phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Nhà màng nông nghiệp. Ngày 26/12/2014, Sở Kế hoạch Đầu tư có Báo cáo số 667/BC-SKHĐT về kết quả cuộc họp xem xét hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án của Sở KHCN. Ngày 15/01/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Tờ trình số 14/TTr-SKHĐT gửi UBND tỉnh đề nghị Quyết định chủ trương đầu tư dự án Nhà màng nông nghiệp (BL 4226-4246).

Căn cứ Tờ trình số 14/TTr-SKHĐT của Sở Kế hoạch và Đầu tư, ngày 23/01/2015 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 215/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án “*Nhà màng nông nghiệp*”, trong đó xây dựng 02 khối nhà màng diện tích mỗi khối là 8.670m² với tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 14,5 tỷ đồng và giao cho Trung tâm UDCNSHĐN làm chủ đầu tư (BL4247). Ngày 19/5/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1275/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 tại diện tích đất của Trung tâm UDCNSHĐN tại xã X, huyện C. Trong đó điều chỉnh khu đất có diện tích khoảng 4,69ha (ký hiệu TT2) từ chức năng đất ở thấp tầng sang chức năng đất vườn thực nghiệm (ký hiệu VTN1) thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 8 đã được UBND tỉnh cấp cho Sở KHCN (BL 4033-4035).

Sau khi được UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 215/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà màng nông nghiệp, ngày 30/01/2015, Nguyễn Quang T đã ký Quyết định số 08C về việc chỉ định Công ty TNHH K2 (viết tắt là Công ty K2) do bà Đinh Thị Bích H2 làm Giám đốc là đơn vị tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “*Nhà màng nông nghiệp*”, với giá trị hợp đồng là 395.000.000 đồng (BL 4343-4344).

Ngày 31/01/2015, Nguyễn Quang T và bà Đinh Thị Bích H2 đã ký Hợp đồng số 02/HĐTK-2015 về việc lập báo cáo kỹ thuật của dự án “*Nhà màng Nông nghiệp*”, trị giá hợp đồng là 395.000.000 đồng; ngày 01/03/2015, Nguyễn Quang T và bà Đinh Thị Bích H2 mới ký biên bản nghiệm thu hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình dự án “*Nhà màng nông nghiệp*” nhưng ngày 13/02/2015, Phạm Văn S1 đã ký tờ trình số 18/TTr-SKHCN và Trung tâm UDCNSHĐN có tờ trình số 09B/TTr-UCS đề nghị Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “*Nhà màng nông nghiệp*” thuộc Trung tâm

UDCNSHĐN. Tờ trình của Sở KHCN và của Trung tâm UDCNSHĐN đều không xác định cụ thể vị trí xây dựng dự án mà chỉ xác định địa điểm xây dựng tại xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (BL 4346-4350, 4276-4277).

Ngày 12/3/2015, Nguyễn Quang T đã ký Quyết định số 15A/QĐ-UCS chỉ định Trung tâm K thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đ là đơn vị thực hiện thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án và ký Hợp đồng số 44.1C/TT-TTKĐ2015 giao cho Trung tâm Kiểm định và Tư vấn Xây dựng Đ thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án, với giá trị hợp đồng là: 60.000.000 đồng; ngày 20/4/2015 Trung tâm Kiểm định và Tư vấn xây dựng Đ ký báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán công trình số 69.1D/BCTT-TTKĐ2015 xác định địa điểm xây dựng tại xã X, huyện C theo bản vẽ thi công dự toán công trình do Công ty K2 Mở lập (BL 4181-4217).

Ngày 16/6/2015, Lê Thị An N1 ký Văn bản số 112/CV-UCS gửi Sở Xây dựng giải trình vị trí đặt 02 khối nhà màng nông nghiệp trong lô đất thuộc vườn thực nghiệm (ký hiệu VTN1) và ngày 17/6/2015, Phạm Văn S1 ký Văn bản số 770/SKHCN-UCS đề nghị Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “*Nhà màng nông nghiệp*” theo Văn bản số 112/CV-UCSnêu trên (BL 4270-4271).

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế - dự toán công trình số 69.1D/BCTT-TTKĐ2015 của Trung tâm Kiểm định và Tư vấn Xây dựng (thuộc Sở Xây dựng), ngày 08/7/2015, Sở Xây dựng đã có Tờ trình số 108/TTr-SXD trình UBND tỉnh Đ phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà màng nông nghiệp thuộc TTUDCNSHĐN và ngày 31/7/2015, UBND tỉnh ký Quyết định số 2182/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án Nhà màng nông nghiệp và giao cho Trung tâm UDCNSHĐN là chủ đầu tư dự án, địa điểm xây dựng 02 khối nhà màng, mỗi khối có diện tích 8.670m² với tổng mức đầu tư là 14.500.000.000 đồng; địa điểm xây dựng tại vị trí khu đất ký hiệu VTN1 – chức năng đất vườn thực nghiệm thuộc Trung tâm UDCNSHĐN tại xã X, huyện C (BL4173-4174).

Ngày 04/8/2015, Nguyễn Quang T ký Quyết định số 172A/QĐ-UCS chỉ định Công ty K3 do ông Bùi Văn L2 làm Giám đốc có trụ sở tại địa chỉ E282A KP.5A, P. L, TP . là đơn vị thực hiện Quản lý dự án. Ngày 06/8/2015, Nguyễn Quang T ký hợp đồng số 11/2015/HĐTV-KV giao cho Công ty K3 thay mặt Trung tâm UDCNSHĐN quản lý dự án với giá trị hợp đồng là 303.000.000 đồng.

Ngày 18/11/2015, Nguyễn Quang T ký Tờ trình số 283/TTr-UCS gửi Sở Kế hoạch Đầu tư đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; ngày 07/12/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư có báo cáo số 928/BC-SKHĐT thẩm định

kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình UBND tỉnh; ngày 21/12/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4153/QĐ-UBND duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong đó phân chia dự án thành 05 gói thầu với tổng giá trị là: 13.319.739.000đ (nguồn vốn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ). Cụ thể gồm: Gói thầu số 1 (xây lắp) trị giá: 12.889.953.000đồng; Gói thầu số 2 (tư vấn lập hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1) trị giá: 25.779.000đồng; Gói thầu số 3 (tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1) trị giá: 12.889.000đồng; Gói thầu số 4 (tư vấn giám sát thi công gói thầu số 1) trị giá: 355.118.000đồng; Gói thầu số 5 (Bảo hiểm thi công xây dựng công trình) trị giá: 36.000.000đồng (BL 3419).

Sau khi được UBND tỉnh Đ ban hành số 4153/QĐ-UBND về việc duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình “Nhà màng nông nghiệp”, từ ngày 20/01/2016 đến ngày 10/6/2016 Nguyễn Quang T đã ký các quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng với các đơn vị nhà thầu thực hiện công việc quản lý, tư vấn, xây dựng và giám sát công trình Nhà màng nông nghiệp cụ thể như sau:

Ngày 20/01/2016, Nguyễn Quang T ký các Quyết định số: 32/QĐ-UCS số 33/QĐ-UCS và số 34/QĐ-UCS về việc chỉ định đơn vị thực hiện Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (gọi tắt là HSMT), đánh giá hồ sơ dự thầu (gọi tắt là HSDT) và tư vấn giám sát thi công gói thầu số 1 là Công ty T14; chỉ định đơn vị thực hiện Thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1 là Công ty TNHH B2; cùng ngày 20/01/2016, Nguyễn Quang T ký hợp đồng tư vấn số 20.01.16/HĐ-TTh giao cho Công ty T14 tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây dựng 02 khối nhà màng với giá trị hợp đồng là: 25.779.000đ; ký hợp đồng tư vấn số 20.01.16/HĐ-BP giao cho Công ty B2 tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây dựng 02 khối nhà màng với giá trị hợp đồng là: 12.889.000đồng và ngày 29/4/2016, ký hợp đồng giao cho Công ty T14 thực hiện tư vấn giám sát gói thầu số 1 với giá trị hợp đồng là 355.118.000 đồng (BL 4502-4576);

Ngày 15/02/2016, Công ty T14 hoàn thành hồ sơ mời thầu gói thầu thi công gói thầu số 1 (xây lắp) gồm: Khối nhà màng (02 khối); Sân đường nội bộ; Cây xanh thảm cỏ; Hệ thống cấp, thoát nước; Hệ thống điện. Có 03 nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu là: Công ty TNHH N9, C3, Công ty CP T16. Sau khi kiểm tra đánh giá hồ sơ dự thầu của từng công ty, ngày 19/3/2016 C4 có báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu số 19.3.16/BC-TTh gửi Trung tâm và chọn Công ty N9 là đơn vị trúng thầu thi công gói thầu số 1 của dự án. Ngày 23/3/2016, C5 đã có báo cáo số 23.3.16/BC-BP về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu trong đó kiến nghị Trung tâm phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1 là Công ty N9

đã đưa giá đề nghị trúng thầu là: 12.825.452.787đồng(BL4283-4316, 4578-4587a).

Ngày 23/3/2016, Nguyễn Quang T ký Quyết định số 93/QĐ-UCS phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1 (xây lắp) là Công ty N9.

Ngày 25/4/2016, Nguyễn Quang T (đại diện Chủ đầu tư) đã ký hợp đồng số 51-16316-NNS-9.6 với bà Nguyễn Hồng Thảo N4, Phó Giám đốc Công ty N9 (đại diện Nhà thầu) để thi công xây dựng 02 khối nhà màng (gói thầu số 1), trong đó có nội dung: Chủ đầu tư giao Nhà thầu nhận thực hiện gói thầu số 1 (xây lắp) thuộc công trình xây dựng nhà màng nông nghiệp thuộc Trung tâm UDCNSHĐN theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt tại Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 31/7/2015 của UBND tỉnh Đ; Chủ đầu tư phải có nghĩa vụ bàn giao tim, mốc công trình, bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiền độ và các thỏa thuận của hợp đồng; Nhà thầu phải thi công xây dựng gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ; Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được chủ đầu tư bàn giao. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình (BL 4122-4163).

Ngày 07/5/2016, Nguyễn Quang T (đại diện chủ đầu tư) và Đinh Văn B, Giám đốc Công ty K2 Mở thay cho Đinh Thị Bích H2 (đại diện đơn vị tư vấn thiết kế) đã ký Biên bản bàn giao mốc, vị trí, cao độ chuẩn, mặt bằng thi công với Nguyễn Hồng Đăng K, Giám đốc Công ty N9 (đại diện nhà thầu thi công) và Trần Hữu T6, Phó Giám đốc Công ty T14 (đại diện đơn vị tư vấn giám sát), nội dung: Cùng tiến hành kiểm tra mặt bằng công trình và thống nhất giao nhận mốc, vị trí, cao độ chuẩn và mặt bằng thi công để đơn vị thi công tiến hành định vị và thi công công trình nhà màng Nông nghiệp thuộc Trung tâm U. Địa điểm: Xuân Đường, C, Đồng Nai (BL 4933-4934). Tuy nhiên, các bên đã không tiến hành kiểm tra mốc, vị trí, cao độ chuẩn và mặt bằng thi công xây dựng 02 khối nhà màng trên thực địa nhưng vẫn lập biên bản bàn giao mốc, vị trí, cao độ chuẩn, mặt bằng thi công trên giấy để hợp thức hóa thủ tục, hồ sơ.

Ngày 16/6/2016, Nguyễn Quang T ký quyết định chỉ định thầu và ký hợp đồng với Công ty B4 thực hiện Bảo hiểm rủi ro xây dựng dự án, trị giá hợp đồng là: 36.000.000đồng (BL 4164-4168).

Ngày 20/12/2016, giữa Trung tâm, Công ty T14 và Công ty N9 cùng nhau ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng(BL 4949-

4950).

Kết quả điều tra đã xác định:

Tại thời điểm lập hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật do Công ty K2 Mở lập tháng 02/2015, thì vị trí phía bắc khu VTN1 đã tồn tại nhiều hạng mục công trình, gồm: 04 nhà màng và 02 nhà lưới trồng lan, 01 nhà điều khiển tưới và 01 nhà kho đã triển khai và hoàn thành từ năm 2011, 2013 với diện tích đất là 22.632m² không còn đủ diện tích đất để xây dựng nhưng trong Công văn số 112/CV-UCS ngày 16/6/2015 của Trung tâm UDCNSHĐN gửi Sở Xây dựng tỉnh Đ giải trình vị trí xây dựng 02 khối nhà màng nông nghiệp được đặt vào lô VTN1 thuộc quy hoạch Vườn thực nghiệm của Trung tâm UDCNSHĐN là phù hợp (tờ họa đồ vị trí kèm theo Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án “Nhà màng nông nghiệp” do Công ty K2 Mở lập thể hiện 02 khối nhà màng của dự án này nằm ở vị trí phía bắc khu đất VTN1) và đề nghị Sở Xây dựng tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Nhà màng nông nghiệp”; ngày 17/6/2015, Sở KH-CN cũng căn cứ Công văn số 112/CV-UCS của Trung tâm UDCNSHĐN tiếp tục ban hành Công văn số 770/SKH-CN-UCS đề nghị Sở xây dựng tỉnh Đ trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Nhà màng nông nghiệp”. Do phía bắc vị trí khu đất VTN1 không còn đủ diện tích để xây dựng, mặt khác do có sự thỏa thuận bằng miệng từ trước giữa Phạm Văn S1 và Nguyễn Hồng Đăng K về hợp tác công tư bằng việc Trung tâm UDCNSHĐN góp vốn bằng các khối nhà màng trên, còn Công ty N10 Nguyễn góp đất đã thuê để thực hiện dự án nên Phạm Văn S1, Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K tiếp tục xây dựng 02 khối nhà màng số 3, số 5 trái quy định trên thửa đất số 61, tờ bản đồ số 04 xã X, huyện C đã được UBND tỉnh Đ cho Công ty N10, vi phạm khoản 1 Điều 111 và điểm c khoản 2 Điều 112 Luật Xây dựng 2014. Mặc dù, quá trình tổ chức thi công xây dựng, nghiệm thu, lập bản vẽ hoàn công 02 khối nhà màng nông nghiệp số 3, số 5 vẫn được thể hiện vị trí xây dựng tại phía bắc khu đất Vườn thực nghiệm 1. Sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình, 02 khối nhà màng này đã được Công ty N10 Nguyễn chiếm dụng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty N10 thiệt hại tài sản của Nhà nước số tiền 13.860.850.787 đồng.

Đối với Công ty Kiến V4 do Bùi Văn Lợi làm Giám đốc. Tuy nhiên, công ty này do Bùi Văn B1 (Phó Trưởng ban Quản lý Dự án thuộc Sở Khoa học Công nghệ là em ruột của ông Bùi Văn L2) trực tiếp thành lập và quản lý, điều hành. Toàn bộ các biên bản hợp đồng; Biên bản thanh lý; Biên bản nghiệm thu; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán và hóa đơn giá trị gia tăng đều được Bùi Văn B1 lập và ký giả chữ ký của Bùi Văn L2 để hợp thức hóa hồ sơ làm căn cứ để Trung tâm UDCNSHĐN

chuyển tiền cho Công ty Kiến V4. Sau khi ký hợp đồng với Trung tâm, Công ty K3 đã không thực hiện các công việc như trong nội dung Hợp đồng số 11/2015/HĐTV-KV với vai trò là quản lý dự án nhưng vẫn được Trung tâm thanh toán số tiền 151.500.000 đồng. Do đó, ngày 24/5/2019 ông Bùi Văn B1 đã tự nguyện nộp lại số tiền: 151.500.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả (BL 7254, 7761-7764).

Đối với Công ty B2 do Nguyễn Khánh L1 làm Giám đốc. Sau khi ký Hợp đồng số 20.01.16/HĐ-BP với Trung tâm UDCNSHĐN để thực hiện việc thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1 của dự án “*Nhà màng nông nghiệp*” nhưng Công ty B2 không thực hiện các công việc như đã nêu trong hợp đồng nhưng vẫn được Trung tâm thanh toán số tiền 12.889.000 đồng. Do đó, ngày 14/6/2019 ông Nguyễn Khánh L1 đã tự nguyện nộp lại số tiền 12.889.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả (BL 7256).

Tài liệu điều tra đã xác định hành vi phạm tội của các bị can như sau:

2.1. Bị can Phạm Văn S1 (nguyên Giám đốc Sở KH-CN) được giao trực tiếp phụ trách Trung tâm UDCNSHĐN đồng thời là người ký các quyết định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2016, năm 2017 cho Trung tâm UDCNSHĐN để triển khai thực hiện xây dựng mới 02 nhà màng nông nghiệp thuộc dự án đầu tư “*Nhà màng nông nghiệp*” không đúng quy định, vi phạm Điều 18 Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ T17 “quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước”. Theo đó, “*Không bố trí vốn sự nghiệp cho các dự án đầu tư mới*” (BL 7381-7397, 7597-7604). Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, bị can Phạm Văn S1 khai: Khoảng tháng 5/2017, sau khi đi rà soát để bàn giao tài sản cho Ban Q1 thì Phạm Văn S1 biết được 02 khối nhà màng của dự án “*Nhà màng nông nghiệp*” cùng với 03 khối nhà màng của dự án “*Nhà màng V*” đều được xây dựng sai vị trí trên đất của Công ty N10 nhưng S1 đã không báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Bị can Phạm Văn S1 cũng nhận thức được việc xây dựng 05 khối nhà màng của 02 dự án “*Nhà màng Vietgap*” và dự án “*Nhà màng nông nghiệp*” trên đất của Công ty N10 là sai quy định của pháp luật (BL 7818-7858).

2.2. Bị can Nguyễn Quang T11 Chủ đầu tư dự án “*Nhà màng nông nghiệp*”, trực tiếp ký quyết định phê duyệt chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, đồng thời cũng là người trực tiếp ký hợp đồng với các nhà thầu để thực hiện công việc quản lý, thi công xây dựng và tư vấn giám sát đối với dự án “*Nhà màng nông nghiệp*”. Quá trình triển khai thực hiện dự án, do tại vị trí Vườn thực nghiệm (VTN1) của

Trung tâm UDCNSHĐN đã tồn tại nhiều hạng mục công trình, gồm: 04 nhà màng và 02 nhà lưới trồng lan, 01 nhà điều khiển tưới và 01 nhà kho đã triển khai và hoàn thành từ năm 2011, 2013 với diện tích đất là: 22.632m² không còn đủ diện tích đất để thực hiện, nhưng T không báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Sau đó, Nguyễn Quang T đã cùng với Phạm Văn S1 và Nguyễn Hồng Đăng K đã xây dựng 02 khối nhà màng số 3, số 5 của dự án “*Nhà màng nông nghiệp*” trên vị trí 15,4ha đất của Công ty N10 Nguyễn thuê không đúng vị trí bản vẽ thiết kế đã được UBND tỉnh Đ phê duyệt, vi phạm khoản 1 Điều 111 và điểm c khoản 2 Điều 112 Luật Xây dựng 2014.

Quá trình điều tra bị can Nguyễn Quang T khai: Vị trí xây dựng 02 block dự án “*Nhà màng nông nghiệp*” tại Vườn thực nghiệm 1 (VTN1) thuộc Trung tâm UDCNSHĐN là do Phạm Văn S1 quyết định, vì dự án này trước đó Sở KH-CN là chủ đầu tư, sau này mới giao cho Trung tâm UDCNSHĐN; ngày 07/5/2016, khi triển khai thực hiện xây dựng 02 block nhà màng thì tại vị trí Vườn thực nghiệm (VTN1) đã tồn tại 02 hạng mục công trình nhà màng số 1, số B và nhà điều khiển tưới của đề tài “*Xây dựng mô hình sản xuất, dưa lê, dưa leo trong nhà màng theo hướng VietGAP*” đã triển khai từ năm 2011 và không còn đủ diện tích để thực hiện nên T đã đưa dự án này lên thi công trên vị trí 15,4ha đất của Công ty N10 theo chỉ đạo của bị can Phạm Văn S1; đến tháng 07/2017, Nguyễn Hồng Đăng K có gửi mail cho T để ký biên bản thỏa thuận góp vốn bằng hiện vật giữa Trung tâm UDCNSHĐN với Công ty N10, trong đó Trung tâm góp vốn là 05 khối nhà màng của 02 dự án “*Nhà màng VietGAP*” và “*Nhà màng nông nghiệp*”, còn Công ty N10 Nguyễn góp vốn bằng đất. Sau khi xem biên bản, T đã chỉnh sửa và gửi lại cho K. Sau khi K ký nhưng do T chờ văn bản chỉ đạo của Phạm Văn S1 chấp thuận về việc góp vốn thì T mới ký biên bản, nên biên bản này T vẫn chưa ký; T thừa nhận việc xây dựng 05 khối nhà màng trên đất của Công ty T15 đầu tư cho Trung tâm không phát huy được hiệu quả đồng thời việc chiếm dụng sử dụng nhà màng của Công ty N10 để làm cơ sở sản xuất rau quả làm lợi cho công ty. Do đó, T chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc Công ty N10 và sử dụng tài sản là 05 khối nhà màng trên (BL1057-1185).

2.3. Bị can Nguyễn Hồng Đăng K (Giám đốc Công ty N9) là đơn vị trúng thầu gói thầu số 1 xây dựng 02 nhà màng nông nghiệp theo Hợp đồng bán hàng cung cấp và lắp dựng nhà màng số 51-16316-NNS-9.6 ngày 25/4/2016. Tuy nhiên, quá trình thi công xây dựng 02 khối nhà màng nông nghiệp, Nguyễn Hồng Đăng K đã xây dựng 02 khối nhà màng này trên vị trí 15,4 ha đất của Công ty N10, vi phạm hợp đồng thi công xây dựng 02 khối nhà màng số 3, số 5 là thi công không đúng với vị trí thiết kế đã được phê duyệt tại vị trí phía bắc khu đất Vườn thực nghiệm 1 thuộc Trung tâm U và vi phạm về nghĩa vụ của nhà

thầu thi công theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 113 Luật Xây dựng năm 2014.

Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Hồng Đăng K khai: Ngày 07/5/2016, Nguyễn Quang T (chủ đầu tư), Đinh Văn B – tư vấn thiết kế (Công ty K2), ông Trần Hữu T6 – tư vấn giám sát (Công ty T14) và Nguyễn Hồng Đăng K đã cùng nhau ký biên bản bàn giao Mốc, vị trí, cao độ chuẩn và mặt bằng thi công để đơn vị thi công cùng tiến hành định vị và thi công công trình nhà màng nông nghiệp. Việc bàn giao này chỉ được tiến hành trên giấy tờ còn thực tế thì giữa các bên không tiến hành bàn giao mặt bằng thi công trên thực địa; khi triển khai xây dựng, K không xây dựng 02 khối nhà màng trên tại vị trí VTN1 vì vị trí này đã có nhà màng 2K khoảng 2.000m², nhà màng 1K khoảng 1.000m², nhà màng 3,5K khoảng 3.500m², nhà điều hành tưới khoảng 200m², nhà kho để dụng cụ sản xuất và bể xử lý giá thể, nhà màng 6.000m² được xây dựng từ năm 2011 đến 2014; vị trí này hiện trạng đất dốc không đủ diện tích nên không thể thi công 02 block nhà màng số 3 và số 5. Mặt khác, do trước đó có thỏa thuận với Phạm Văn S1 về hợp tác công tư nên K đã đưa 02 block nhà màng này lên vị trí nhà màng 3, 5 trên 15,4 ha đất của Công ty N10 Nguyễn thuê để xây dựng. K thừa nhận việc xây 02 block nhà màng nêu trên là sai với Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 31/7/2015 của UBND tỉnh Đ và bản vẽ thiết kế của Công ty K2 đã được Công ty Nhà Nguyễn nhận để thi công và hoàn công (BL 883-953).

Ngày 27/4/2020 và ngày 19/5/2020, Trung tâm T ban hành báo cáo Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 80/TVQHKĐ-TNKĐ và báo cáo Kết luận giám định tư pháp Xây dựng bổ sung số 915/TVQHKĐ-TNKĐ xác định: *Việc Trung tâm UDCNSHĐN và Công ty K2 (đơn vị thực hiện bản vẽ thiết kế thi công, dự toán) xác định vị trí xây dựng 02 khối nhà màng trên bản vẽ ở vị trí VTN1 trong khi tại vị trí VTN1 đã hiện hữu các công trình khác là sai so với quy định tại Khoản 1 Điều 79 Luật Xây dựng 2014....; Theo bản vẽ thiết kế thì 02 khối nhà màng của dự án được xác định xây dựng trên vị trí VTN1, nhưng sau khi hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng 02 khối nhà màng này lại không nằm trên vị trí VTN1 mà được xây dựng trên vị trí đất của Công ty TNHH N10 tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 4 xã X, huyện C đã vi phạm về Yêu cầu đối với thi công xây dựng công trình quy định tại Khoản 1 điều 111 Luật Xây dựng 2014 : “Tuân thủ thiết kế xây dựng được duyệt...”. Trách nhiệm thuộc về Chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị thiết kế và đơn vị giám sát (BL 127-157).*

Ngày 17/05/2022, Giám định viên tư pháp Sở Tài chính tỉnh Đ đã ban hành Kết luận giám định số 2694/KLGD-GĐV (thay thế Kết luận giám định số 79/KLGD-GĐV ngày 29/12/ 2020) xác định: *Quá trình thực hiện xây dựng 02 khối nhà màng của dự án “Nhà màng nông nghiệp”, đã được thực hiện song*

song với thời gian xây dựng 03 khối nhà màng của dự án “Nhân rộng mô hình sản xuất rau, quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn VietGAP”, được xác định vị trí xây dựng 02 khối nhà màng trên hồ sơ thiết kế ở vị trí VTN1, trong khi tại vị trí VTN1 đã hiện hữu các công trình khác không đủ diện tích để xây dựng 02 khối nhà màng nông nghiệp, nhưng Công ty N9 vẫn xây dựng trên vị trí đất của Công ty N10 vi phạm nghiêm trọng Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 31/7/2015 của UBND tỉnh Đ, về việc “Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình nhà màng nông nghiệp tại Trung tâm UDCNSHĐN”, trong đó tại điều 1 có nêu: “Vị trí, địa điểm xây dựng: Trung tâm UDCNSHĐN, xã X, huyện C (khu đất ký hiệu VTN1 – Chức năng đất vườn thực nghiệm), gây thất thoát và làm thiệt hại nghiêm trọng cho Ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền đã thanh toán, giải ngân để thực hiện đầu tư cho dự án “Nhà màng nông nghiệp”, với số tiền 13.860.850.757 đồng; việc thực hiện dự án “Nhà màng nông nghiệp” (trong đó, có xây dựng 02 nhà màng nông nghiệp) được chi từ Ngân sách nhà nước bằng nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ là chưa chính xác, mà phải được chi từ nguồn vốn đầu tư công (BL 7381-7397).

Như vậy, Phạm Văn S1, Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K đã có hành vi cố ý xây dựng 05 khối nhà màng của 02 dự án “Nhà màng VietGAP” và “Nhà màng nông nghiệp” trái quy định của pháp luật trên đất của Công ty N10 và để Nguyễn Hồng Đăng K chiếm dụng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty N10, thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 28.021.350.787 đồng.

Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Hồng Đăng K đã tự nguyện giao nộp giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 2.500.000.000 đồng để khắc phục hậu quả (BL 965).

II. Hành vi Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của các bị can liên quan đến dự án “Nhà màng VietGAP”

1. Hành vi phạm tội của Lê Thị An N1 (nguyên Phó Giám đốc Trung tâm UDCNSHĐN).

Sau khi được Hội đồng Khoa học và Công nghệ tư vấn họp thông qua đề tài dự án “Nhà màng VietGAP”, ngày 23/10/2014, Phạm Văn S1 ký Văn bản số 1844/SKHCN-QLK giao cho Trung tâm UDCNSHĐN lập hồ sơ đăng ký đề tài trình gửi về KHCN tỉnh để Hội đồng KHCN tư vấn chuyên ngành xét duyệt. Quá trình lập hồ sơ, báo cáo thuyết minh dự án “Nhà màng VietGAP”, Lê Thị An N1 được phân công tham gia với tư cách là cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và là đại diện tổ chức chủ trì đối với dự án “Nhà màng VietGAP”. Ngày 02/02/2015, Lê Thị An N1 (đại diện tổ chức chủ trì) và Nguyễn

Quang T (Chủ nhiệm dự án) đã ký báo cáo thuyết minh dự án, trong đó có đề cập nội dung: Xây dựng nhà màng theo thiết kế với tổng diện tích 120.000m². Trong đó: Năm 2015 xây dựng 40.000m² nhà màng; năm 2016 xây dựng 50.000m² nhà màng và năm 2017 xây dựng 30.000m² nhà màng; dự toán nguồn kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai thực hiện dự án là khoảng 88.033.410.000 đồng, gồm: Nguồn kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học là 17.275.500.000 đồng và nguồn kinh phí khác là 70.757.910.000 đồng...;ngoài ra, Lê Thị An N1 (đại diện cho tổ chức chủ trì) cùng với Nguyễn Quang T (cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH-CN) ký giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu nhiệm vụ KH-CN cấp tỉnh với Nguyễn Hồng Đăng K (Giám đốc Công ty N10). Theo đó, Công ty N10 tham gia triển khai xây dựng nhà màng với kinh phí 70.757.910.000 đồng.

Tuy nhiên, trong nội dung báo cáo thuyết minh không ghi cụ thể địa điểm, vị trí xây dựng 120.000m² nhà màng và không nêu rõ phương án huy động vốn từ nguồn khác tham gia dự án (nguồn vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước) kèm theo các văn bản pháp lý chứng minh về khả năng huy động vốn của Công ty N10 Nguyễn theo mẫu quy định ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BKH-CN ngày 30/5/2014 của Bộ K5 và Công nghệ; hồ sơ chưa có văn bản cam kết tham gia dự án của Công ty N10 (ngày 04/11/2015 Công ty N10 có văn bản cam kết tham gia dự án) nhưng Lê Thị An N1 vẫn ký xác nhận đại diện tổ chức chủ trì vào báo cáo thuyết minh dự án và giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu nhiệm vụ KH-CN cấp tỉnh với Công ty N10 (BL 1774-1848).

Sau khi dự án “Nhà màng VietGap” được UBND tỉnh Đ ký quyết định phê duyệt, Lê Thị An N1 được Nguyễn Quang T ủy quyền ký kết các giấy tờ liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án này (theo giấy ủy quyền số 49A/GUQ-UCS ngày 14/04/2015). Theo đó, Lê Thị An N1 phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt pháp lý đối với các giấy tờ liên quan đến dự án “Nhà màng Vietgap” mà N1 ký kết theo ủy quyền của bị can Nguyễn Quang T.

Sau khi được ủy quyền, ngày 14/4/2015, Lê Thị An N5 đại diện Trung tâm UDCNSHĐN (bên B) ký hợp đồng nghiên cứu khoa học số 179/HĐ-SKH-CN với Phạm Văn S1 Giám đốc Sở KH-CN (bên A), trong đó có nội dung: Bên A giao cho bên B thực hiện dự án “Nhân rộng mô hình sản xuất rau quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn VietGap” do ông Nguyễn Quang T chủ nhiệm; thực hiện các nội dung, tiến độ sản phẩm khoa học cụ thể theo nội dung ghi trong bản thuyết minh dự án đã được Hội đồng KH&CN thông qua; thời gian thực hiện là 30 tháng, từ tháng 04/2015 đến tháng 10/2017. Tổng kinh phí dự kiến là 88.033.410.000 đồng, trong đó: kinh phí từ sự nghiệp khoa học là 17.275.500.000 đồng và kinh phí khác là 70.759.910.000 đồng; sản phẩm giao nộp là 120.000m² nhà màng, mô hình sản xuất rau quả trong nhà màng, báo cáo

tổng kết, đăng ký kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ (BL 1866-1869).

Tại thời điểm ký hợp đồng nghiên cứu khoa học trên, Sở KH-CN chưa thực hiện việc thẩm định nguồn kinh phí thực hiện dự án “*Nhà màng VietGap*” trong đó có nguồn kinh phí đối ứng của Công ty N10. Do vậy, trong hợp đồng nghiên cứu khoa học không nêu tên và ràng buộc trách nhiệm đối với Công ty N10 (doanh nghiệp phối hợp thực hiện dự án). Mặt khác, thẩm quyền ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh không thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở KH-CN mà thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Tuy nhiên, Lê Thị An N1 đã không nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật và không đọc kỹ các nội dung trong hợp đồng nên N1 đã đại diện cho Trung tâm ký hợp đồng nghiên cứu khoa học số 179/HĐ-SKH-CN và ký điều chỉnh hợp đồng nghiên cứu khoa học số 25/ĐCHĐ-SKH-CN ngày 18/02/2016 với Phạm Văn S1 không đúng quy định của pháp luật (BL 1884-1885).

Sau khi ký hợp đồng nghiên cứu khoa học trên, từ ngày 05/05/2015 đến ngày 01/07/2015, Lê Thị An N6 tiếp tục ký các quyết định phê duyệt dự toán, phê duyệt lựa chọn nhà thầu, chỉ định thầu và ký hợp đồng với các nhà thầu theo ủy quyền để triển khai, thực hiện dự án “*Nhà màng VietGap*” cụ thể như sau:

Ngày 06/05/2015, Lê Thị An N1 ký quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp và lắp dựng nhà màng nông nghiệp thuộc dự án “*Nhà màng VietGap*”. Trong đó phân chia thành 04 gói thầu, gồm: Gói thầu số 1: cung cấp và lắp dựng nhà màng nông nghiệp; Gói thầu số 2: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 1; Gói thầu số 3: Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn thầu gói thầu số 1 và Gói thầu số 4: Tư vấn giám sát gói thầu số 1. Kết quả chỉ định thầu, phê duyệt lựa chọn nhà thầu đã xác định:

Công ty Cổ phần T18 địa chỉ tại số A đường số A, P.9, quận G, TP . hiện gói thầu số 2 (tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 1) và thực hiện giám sát thi công dự án; Công ty TNHH B2 ở địa chỉ B, quốc lộ B, ấp T, xã T, huyện H, TP . thực hiện gói thầu số 3 (thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn gói thầu số 1). Căn cứ kết quả thẩm định của Công ty T14 và Công ty B2 xác định Công ty N9 do Nguyễn Hồng Đăng K làm Giám đốc đáp ứng đủ điều kiện thực hiện gói thầu số 1 nên ngày 18/6/2015, Lê Thị An N1 đã ký Quyết định số 117/QĐ-UCS về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Công ty N14 đơn vị trúng thầu gói thầu số 1 (cung cấp và lắp dựng nhà màng nông nghiệp) và ngày 01/07/2015, N1 ký hợp đồng số 20-07515-NN-9.6 với Nguyễn Hồng Đăng K (Giám đốc Công ty N9) để thi công gói thầu số 1 “Cung cấp và lắp dựng nhà màng thuộc dự án nhà màng VietGap” có giá trị hợp đồng là 13.821.466.308 đồng. Trước khi triển khai thi công lắp dựng 03 khối nhà màng

số 4, 6, 9 giữa N1 và K không lập biên bản bàn giao mặt bằng thi công 03 khối nhà màng theo quy định tại điểm 8.4.1 khoản b Điều 8 của Hợp đồng số 20-07515-NN-9.6.

Ngày 03/06/2016, Lê Thị An N1 (đại diện Chủ đầu tư) cùng với bà Ngô Ngọc T9 (chuyên viên của Trung tâm UDCNSHĐN) và ông Nguyễn Hồng S, Phó Giám đốc Công ty N9 (đại diện đơn vị thi công) đã tiến hành kiểm tra địa điểm thi công các nhà màng nông nghiệp trên cơ sở bản vẽ do Công ty N15. Quá trình kiểm tra, N1 cũng không phát hiện ra 03 khối nhà màng số 4, 6, 9 đã được xây dựng trên đất của Công ty N10 đã lập biên bản xác định địa điểm thi công các nhà màng nông nghiệp trong đó có nội dung: *Sau khi kiểm tra thực tế tại hiện trường và đối chiếu với bản vẽ xác định các địa điểm như sau: Block nhà màng thuộc dự án “Nhà màng VietGAP” gồm Block 04 (8.640m²) đang làm móng, trong đó nhà điều hành tưới 2.300m²; Block 6 (6.720m²) và Block 09 (6.720m²) đã hoàn chỉnh (BL 1886-1887).* Đến ngày 30/07/2016, Lê Thị An N1 (đại diện Chủ đầu tư) cùng với Nguyễn Hồng Đăng K (đại diện đơn vị thi công) và Nguyễn Thị Khánh P1, Giám đốc Công ty T14 (đại diện đơn vị tư vấn giám sát) đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình 03 khối nhà màng trên. Sau khi nghiệm thu xong công trình, Lê Thị An N1 cũng không báo cáo Lãnh đạo Trung tâm UDCNSHĐN và Sở KH-CN để yêu cầu Công ty Nhà Nguyễn lập biên bản bàn giao 03 khối nhà màng cho Trung tâm UDCNSHĐN quản lý, sử dụng mà để cho Nguyễn Hồng Đăng K chiếm dụng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty N10 thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 14.160.500.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định:

Đối với Công ty N9: Doanh thu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu do Công ty Trần Thu lập đối với các đơn vị dự thầu là: 20.800.000.000 đồng. Khi tham gia dự thầu, Công ty Nhà N7 đã kê khai doanh thu trong hồ sơ dự thầu là 23.315.100.351 đồng và giá đề nghị trúng thầu của Công ty Nhà N7 là 13.821.466.308 đồng. Sau đó, Công ty N9 đã được Công ty Trần Thu lựa chọn là đơn vị trúng thầu gói thầu số 1 và được Công ty Bảo Phong thẩm định Công ty Nhà N7 đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật để thực hiện gói thầu cung cấp và lắp dựng 03 khối nhà màng. Tuy nhiên, Căn cứ Công văn số 7272/CT-TTTH ngày 26/7/2018 của Cục T19 gửi Thanh tra tỉnh Đồng Nai, kèm theo báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 của Công ty Nhà Nguyễn thể hiện doanh thu của Công ty N9 năm 2014 là 19.315.100.351 đồng. Do xác định Công ty N9 đã có hành vi cung cấp các thông tin không trung thực trong hồ sơ dự thầu để được trúng thầu, nên ngày 19/4/2019, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1153/QĐ-

UBND xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu, cấm Công ty Nhà Nguyễn tham gia hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong 03 năm.

Đối với Công ty T14 được Sở K10 cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312618987 ngày 13/01/2014, do bà Nguyễn Thị Khánh P1 làm Giám đốc. Tuy nhiên, việc quản lý, điều hành Công ty T14 do ông Trần Hữu T6 (chồng của bà P1) là Phó Giám đốc Công ty thực hiện; Công ty B2 được Sở K10 cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312201047 ngày 04/01/2014 (đăng ký thay đổi lần 3) do ông Dương Thế P2 làm Giám đốc. Tuy nhiên, thời điểm Công ty B2 ký hợp đồng với Trung tâm UDCNSHĐN để thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn gói thầu số 1, thì ông P2 đã chuyển nhượng Công ty B2 cho ông Trần Hữu T6 (Phó Giám đốc Công ty T14). Sau đó, ông T6 đã giao cho ông Nguyễn Khánh L1 (là em vợ của T6) đứng tên Giám đốc công ty. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, ông Dương Thế P2 xác định: Toàn bộ hồ sơ hợp đồng số 08.5.15/HĐ-BP ngày 08/5/2015 liên quan đến gói thầu Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 1 đều do ông Trần Hữu T6 lập đưa cho ông Dương Thế P2 ký và ông P2 không biết gì về nội dung của hợp đồng này. Do không thực hiện bất cứ công việc gì trong hợp đồng nhưng lại được Trung tâm chuyển số tiền 15.391.000 đồng vào tài khoản số 28955898 của Công ty B2 do ông Dương Thế P2 làm chủ tài khoản mở tại ngân hàng P4 – Phòng G – TP ., nên ngày 30/5/2019 ông Dương Thế P2 đã tự nguyện nộp lại số tiền 15.391.000 đồng trên cho Cơ quan điều tra (BL 7255).

Kết quả điều tra đã làm rõ:

Do Phạm Văn S1 và Nguyễn Quang T ngay từ đầu đã xác định việc lắp dựng 03 khối nhà màng 4, 6, 9 có tổng diện tích 22.080m² trị giá 14.160.500.000 đồng từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước là gói thầu mua sắm thiết bị. Do vậy, khi Lê Thị An N1 được ủy quyền ký các quyết định phê duyệt dự toán, phê duyệt lựa chọn nhà thầu, chỉ định thầu và ký hợp đồng với các nhà thầu để triển khai, thực hiện dự án “*Nhà màng VietGap*” cũng như ký các biên bản nghiệm thu, bàn giao và thanh lý hợp đồng đã không thực hiện theo trình tự, thủ tục đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 44 Luật Đầu tư công năm 2014 và khoản 10 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014. Các quyết định, hợp đồng ký kết đều không ghi tọa độ, vị trí lắp dựng cụ thể; không lập biên bản bàn giao mặt bằng thi công 03 khối nhà màng theo quy định tại điểm 8.4.1 khoản b Điều 8 của Hợp đồng số 20-07515-NN-9.6, dẫn đến 03 khối nhà màng này đã được các bị can Phạm Văn S1, Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K xây dựng trên phần đất của Công ty N10 và được

Công ty N10 đưa vào quản lý, sử dụng gây thất thoát cho ngân sách nhà nước số tiền 14.160.500.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện dự án “*Nhà màng VietGap*”, Lê Thị An N1 không có văn bản đề nghị nào đối với Công ty N10 Nguyễn góp vốn để thực hiện dự án dẫn đến Công ty Trí N3 đã không đủ năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học để phối hợp thực hiện dự án như đã cam kết và nêu trong nội dung thuyết minh dự án.

Quá trình điều tra, Lê Thị An N1 khai: Toàn bộ hồ sơ thực hiện đề tài từ khi đề xuất nhiệm vụ khoa học đến khi kết thúc việc xây dựng, bàn giao, thanh lý đưa vào sử dụng của 03 block nhà màng 4, 6, 9 thể hiện đây là gói thầu mua sắm thiết bị. Do vậy, Sở KHCN, Trung tâm UDCNSHĐN và các đơn vị thực hiện thi công, tư vấn giám sát không thực hiện theo trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng theo quy định pháp luật. Việc xác định đây là dự án mua sắm thiết bị đã dẫn đến việc không làm các thủ tục thiết kế theo trình tự của Luật Xây dựng năm 2014 và Luật Đầu tư công năm 2014 dẫn đến việc từ chủ đầu tư đến các đơn vị thi công, giám sát đều không thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục đối với dự án có cấu phần xây dựng. Quá trình, ký kết, triển khai thực hiện dự án, bị can N1 thừa nhận sai phạm ký hợp đồng nghiên cứu khoa học số 179 và hợp đồng cung cấp lắp dựng nhà màng số 20-075715-NN-9.6 không ghi cụ thể vị trí lắp dựng 03 khối nhà màng này, không tiến hành bàn giao mặt bằng thi công 03 khối nhà màng như đã nêu trong hợp đồng dẫn đến việc xây dựng 03 blok nhà màng 4, 6, 9 trên đất của Công ty N10 là sai; không có văn bản đôn đốc Công ty N10 bổ sung nguồn vốn góp 70 tỷ đồng để thực hiện dự án và sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình, bị can vẫn để 03 khối nhà màng này cho Công ty N10 quản lý, sử dụng cho đến nay. Lý do lập biên bản xác định địa điểm thi công các nhà màng nông nghiệp vào ngày 03/6/2016 là do Nguyễn Quang T đi học nên Phạm Văn S1 đã chỉ đạo N1 xuống hiện trường để kiểm tra tiến độ các khối nhà màng của 02 dự án “*Nhà màng VietGAP*” và “*Nhà màng nông nghiệp*”. Sau khi kiểm tra thấy Công ty N9 thi công chậm tiến độ nên đã báo cáo bị can T có văn bản đôn đốc Công ty Nhà Nguyễn. Sau đó, Công ty N9 đã thi công và N1 đã ký hồ sơ nghiệm thu hoàn thành 03 khối nhà màng này (BL 1244-1276, 7433-7535, 7756-7757)

Ngày 27/4/2020 và ngày 19/5/2020, Trung tâm T ban hành báo cáo Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 80/TVQHKĐ-TNKĐ và báo cáo Kết luận giám định tư pháp Xây dựng bổ sung số 915/TVQHKĐ-TNKĐ xác định: *Việc thi công lắp dựng 03 khối nhà màng của dự án “Nhân rộng mô hình sản xuất rau, quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn V3” được xác định là gói thầu xây lắp và việc Sở KHCN và Trung tâm UDCNSHĐN xác định đây là gói thầu mua sắm*

thiết bị là sai so với quy định tại Khoản 10 Điều 3 luật Xây dựng 2014, Khoản 45 Điều 4 và Khoản 3 Điều 33 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13...; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đ đã triển khai việc đầu tư xây dựng 3 khối nhà màng này không đúng theo quy trình dự án đầu tư xây dựng công trình của Luật Xây dựng 2014, vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật Xây dựng 2014 là “Quyết định đầu tư xây dựng không đúng với quy định của Luật này” (BL 127-157).

Ngày 17/05/2022, Giám định viên tư pháp Sở Tài chính tỉnh Đ đã ban hành Kết luận giám định số 2694/KLGD-GĐV (thay thế Kết luận giám định số 79/KLGD-GĐV ngày 29/12/ 2020) xác định: Việc thực hiện xây dựng 03 nhà màng theo tiêu chuẩn VietGAP theo quy trình gói thầu mua sắm thiết bị, là hoàn toàn không đúng với các quy định của pháp luật. Từ đó, đã tiến hành ký hợp đồng thuê tư vấn, dịch vụ thẩm định giá để thẩm định giá trị tài sản mua sắm thiết bị đối với 03 nhà màng theo tiêu chuẩn VietGAP, đồng thời ký 02 Hợp đồng thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu với Công ty T14 và Công ty TNHH B2; cả 02 Công ty tư vấn này đều đánh giá, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và công bố đơn vị trúng thầu là Công ty N9 thực hiện xây dựng gói thầu mua sắm thiết bị (Thực chất là gói thầu xây dựng 03 nhà màng theo tiêu chuẩn VietGAP). Tuy nhiên, Công ty N9 với chủ Doanh nghiệp là ông Nguyễn Hồng Đăng K và cũng là chủ Doanh nghiệp của Công ty TNHH N10 Trí N3, đây chính là đơn vị phối hợp với Trung tâm Ư. Cho nên, Công ty TNHH N9 là đơn vị trúng thầu gói thầu số 01, liên quan rất chặt chẽ về mặt pháp lý và tài chính với Chủ đầu tư. Do đó, việc 02 đơn vị tư vấn là Công ty TNHH MTV T14 và Công ty TNHH B2, cùng với Chủ đầu tư – Bà Lê Thị An N1 phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với vi phạm nghiêm trọng này, nhưng vẫn tiến hành thực hiện dự án “Nhà màng VietGAP” bằng tiền của Ngân sách nhà nước, là vi phạm nghiêm trọng Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND tỉnh Đ, về việc: “Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ triển khai thực hiện năm 201; Mặt khác, Chủ đầu tư – Bà Lê Thị An N1 trong quá trình thực hiện Dự án “Nhà màng VietGAP” đã không có bất cứ một văn bản đề nghị nào đối với Công ty N10 Nguyễn chuyển tiền góp vốn để thực hiện dự án; khi ký Hợp đồng với các đơn vị tư vấn để thẩm định phê duyệt dự toán thực hiện dự án, thì C1 đầu tư không đưa số tiền góp vốn của Công ty N10 Nguyễn vào để xây dựng dự toán thực hiện dự án. Sau đó, Chủ đầu tư ban hành Quyết định phê duyệt dự toán hoàn toàn không có tiền góp vốn của Công ty N10, toàn bộ kinh phí thực hiện dự án “Nhà màng VietGAP” đều sử dụng từ Ngân sách nhà nước cấp. Việc làm này của Chủ đầu tư đã làm trái quy định tại Thông tư số 55/2015/

TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/04/2015 của Bộ T17 và Bộ K5, về việc “Hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ các khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước”.

Toàn bộ quá trình thực hiện dự án “Nhà màng VietGAP” của Chủ đầu tư là Trung tâm Ư, cùng Sở KH&CN và các đơn vị tư vấn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm vì đã vi phạm các quy định của pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền đã thanh toán, giải ngân để thực hiện dự án, với số tiền 14.160.500.000 đồng(BL 7381-7397).

2. Hành vi phạm tội của Nguyễn Ngọc P3 (nguyên Phó Giám đốc Sở/Tổ trưởng Tổ thẩm định kinh phí) và Trần Thị Huỳnh H3 (nguyên Trưởng phòng Kế hoạch T12 chính/ Tổ phó Tổ thẩm định kinh phí).

Việc triển khai thực hiện dự án “Nhà màng VietGAP” trong đó có việc lắp dựng 03 khối nhà màng số 4, 6, 9 có sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước được Công ty N9 tiến hành thi công từ tháng 07/2015 nhưng đến ngày 30/10/2015, Sở KH&CN mới ký Quyết định số 242/QĐ-SKH&CN về việc thành lập Tổ thẩm định kinh phí thực hiện dự án “Nhà màng VietGap” gồm 05 thành viên, trong đó: Nguyễn Ngọc P3 (Phó Giám đốc Sở KH&CN/Tổ trưởng), Trần Thị Huỳnh H3 (Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính/Tổ phó), Phạm Văn S1 (Giám đốc Sở KH&CN/ thành viên), Đồng Thị Thu T8 (Phó phòng Quản lý khoa học) và Lê Văn L3 (Chuyên viên phòng Quản lý khoa học Sở KH&CN) là Thư ký của Tổ thẩm định. Nhiệm vụ: Tổ thẩm định kinh phí có trách nhiệm tư vấn giúp Sở KH&CN thẩm định kinh phí thực hiện dự án trên và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ (BL 1871-1872).

Ngày 07/12/2015, Nguyễn Ngọc P3 đã tổ chức họp Tổ thẩm định gồm các thành viên Nguyễn Ngọc P3, Trần Thị Huỳnh H3, Phạm Văn S1 và Đồng Thị Thu T8. Các đại biểu tham dự gồm: Trương Văn T7 – Trưởng phòng Quản lý khoa học Sở KH&CN, Nguyễn Quang T – Giám đốc Trung tâm UDCNSHĐN, Lê Quốc V2 và Nguyễn Thị Thu T10 – nhân viên Trung tâm UDCNSHĐN. Sau đó, Tổ thẩm định đã lập Biên bản số 650/BB-SKH&CN thông qua tổng kinh phí thực hiện dự án “Nhà màng VietGap” số tiền 86.365.967.000 đồng, bao gồm nguồn kinh phí từ Ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ là 15.608.057.000 đồng và kinh phí từ nguồn khác là 70.757.910.000 đồng. Sau khi họp và ký xong biên bản, các thành viên Tổ thẩm định thấy kinh phí chi từ ngân sách sự nghiệp khoa học không phải số tiền 15.608.057.000 đồng mà là số tiền 16.041.690.000 đồng, nên các thành viên Tổ thẩm định đã ký lại Biên bản khác thể hiện kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học là số tiền 16.041.690.000 đồng(BL 1873-1879).

Đối với nguồn kinh phí khác, trong bảng phụ lục thẩm định chi tiết kèm theo biên bản thẩm định chỉ thể hiện số tiền 70.757.910.000 đồng là nguồn kinh phí của doanh nghiệp (BL 1878-1882). Tuy nhiên, theo giấy xác nhận phối hợp phối hợp nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh ngày 02/02/2015 và Văn bản cam kết tham gia dự án ngày 04/11/2015 được đính kèm trong hồ sơ thuyết minh dự án “*Nhà màng VietGap*” xác định, số tiền 70.757.910.000 đồng là nguồn kinh phí đối ứng của Công ty T15 Nguyễn Hồng Đăng K làm Giám đốc góp vốn để cùng Trung tâm U tham gia triển khai xây dựng 122.080 m² nhà màng tại Trung tâm UDCNSHĐN. Mặc dù tại thời điểm thẩm định, Công ty N10 không có văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện; không có các giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của Công ty N10 (tổ chức tham gia dự án) theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19/09/2014 của Bộ K8; khoản 8, khoản 9 Điều 4 Quy định về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Đ. Quá trình thẩm định, Tổ thẩm định cũng không tổ chức kiểm tra, xác minh phần kinh phí đối ứng (ngoài ngân sách nhà nước) số tiền 70.757.910.000 đồng của Công ty N10 cam kết góp vốn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ K8; điểm c khoản 2 Điều 12 Quy định về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Đ mà vẫn hợp thông qua nguồn kinh phí này dẫn đến Công ty N10 đã không đủ năng lực tài chính để phối hợp thực hiện dự án như đã cam kết và nêu trong nội dung thuyết minh dự án làm cho nguồn kinh phí nhà nước cấp cho dự án “*Nhà màng VietGAP*” bị thất thoát, gây thiệt hại số tiền 14.160.500.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình triển khai thực hiện dự án “*Nhà màng VietGAP*”, Nguyễn Ngọc P3 còn tham gia chủ trì 03 lần họp kiểm tra đánh giá tiến độ thực hiện dự án vào các ngày 14/01/2016, 31/12/2016 và ngày 30/01/2018. Trong đó, Trần Thị Huỳnh H3 tham gia 02 lần (ngày 14/01/2016 và ngày 30/01/2018) với tư cách là Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính của Sở KHCN. Các lần họp kiểm tra, đánh giá, Tổ kiểm tra đều không xuống hiện trường để kiểm tra, đánh giá việc xây dựng 03 khối nhà màng này theo quy định tại khoản 11 Điều 10 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ K8 mà chỉ dựa vào báo cáo nội dung khoa học, tiến độ thực

hiện dự án; bảng kê chứng từ và bảng kê chi tiết tình hình sử dụng kinh phí của Trung tâm UDCNSHĐN để kiểm tra, đánh giá và kết luận nên Tổ kiểm tra không phát hiện 03 khối nhà màng đã được xây dựng trên đất của Công ty N10. Do đó, Tổ kiểm tra đã đồng ý tạm quyết toán kinh phí của đợt trước, của năm trước và tiếp tục cấp phát kinh phí của năm sau để thực hiện dự án.

Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Ngọc P3 khai: Thời điểm khi tiến hành nhiệm vụ của Tổ thẩm định, P3 và H3 có yêu cầu Trung tâm UDCNSHĐN bổ sung Giấy cam kết góp vốn của Công ty N10. P3 nhận thức được việc ký biên bản số 650/BB-SKHCN thẩm định kinh phí cấp tỉnh năm 2015 đối với dự án VietGAP là sai quy định, đã không thực hiện đúng trách nhiệm được giao, không thẩm định nguồn kinh phí khác, hồ sơ năng lực tài chính, nhân lực khoa học, huy động vốn của Công ty N10 dẫn đến dự án VietGAP thực hiện không đúng theo thuyết minh dự án; không thực hiện việc kiểm tra, xác minh phần kinh phí đối ứng (ngoài ngân sách nhà nước) của Công ty N10; khi kiểm tra đánh giá tiến độ thực hiện dự án, P3 và tổ kiểm tra không xuống hiện trường kiểm tra trực tiếp nên không biết 03 khối nhà màng này đã được thi công trên đất Công ty N10 của UBND tỉnh, vi phạm khoản 2 Điều 14 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ K5 và Công nghệ(BL 7702-7715);

Bị can Trần Thị Huỳnh H3 khai: Khi tiến hành nhiệm vụ của Tổ thẩm định, H3 có yêu cầu Trung tâm UDCNSHĐN bổ sung Giấy cam kết góp vốn của Công ty T20 nội dung Giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu giữa Trung tâm UDCNSHĐN và Công ty N10; Tổ thẩm định do bị can là Tổ phó đã làm việc thiếu trách nhiệm, thẩm định hồ sơ năng lực tài chính của Công ty N10 không đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ K5 và Công nghệ nhưng vẫn tiến hành thẩm định kinh phí cấp tỉnh năm 2015 của dự án VietGAP với nguồn kinh phí khác số tiền 70.757.910.000 đồng mà Công ty N10 Nguyễn góp vốn để phối hợp triển khai thực hiện dự án, đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 14.160.500.000 đồng; ngoài ra bị can còn được phân công tham gia Tổ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự án nhưng không thực hiện hết vai trò, trách nhiệm, không trực tiếp đến hiện trường kiểm tra, vị trí thực hiện dự án VietGAP nên không phát hiện xây dựng sai vị trí của 03 khối nhà màng (BL 7649-7665).

Tại Bản kết luận giám định số 2694/KLGD-GĐV ngày 17/5/2022 của Giám định viên tư pháp Sở Tài chính tỉnh Đ kết luận: *Khi tiến hành thẩm định Công ty T21 không có bất cứ hồ sơ nào theo quy định để chứng minh năng lực tài chính, chứng minh về năng lực khoa học công nghệ, trang thiết bị của đơn vị*

phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện dự án nhưng Tổ thẩm định vẫn tiến hành thẩm định và thống nhất thông qua; Tổ thẩm định kinh phí thực hiện dự án, phải hoàn toàn chịu tác nhiệm trong việc thẩm định không đúng quy định của pháp luật về kinh phí thực hiện dự án, vi phạm khoản 02 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 13 Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ K8 và Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Đ (BL 7381-7397).

II. Về thu giữ, kê biên tài sản và các giấy tờ, tài liệu có liên quan

1. Số tiền: 2.679.790.000 đồng thu giữ của bị can và những người liên quan giao nộp để khắc phục hậu quả gồm:

Bị can Nguyễn Hồng Đăng K giao nộp số tiền 2.500.000.000 đồng (BL 965); ông Dương Thế P2 và ông Nguyễn Khánh L1 (Công ty Bảo P2) nộp số tiền: 28.290.000 đồng (BL 72557256); ông Bùi Văn B1 (Công ty K3) nộp số tiền: 151.500.000 đồng (BL 7254). Tổng cộng là 2.679.790.000 đồng. Số tiền này đã được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ nộp vào tài khoản tạm giữ số 3949.0904.4823.000000 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh Đ mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đ để chờ xử lý.

2. Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thu giữ, kê biên của bị can Nguyễn Hồng Đăng K các giấy tờ, tài liệu và tài sản sau:

- 05 (năm) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Nguyễn Hồng Đăng K (bản chính) gồm:

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CP 526899, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 20/6/2019 (BL 7334);

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BO 672633, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2013 (BL 7333);

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BO 672632, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2013 (BL 7332);

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BI 304052, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/01/2012 (BL 7330);

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BI 304078, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/01/2012 (BL 7331);

- 02 (hai) văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ của Công ty TNHH Đ3, số công chứng: 000003321, ngày 01/4/2019 tại Văn phòng C6, số B, đường L, phường A, Quận B, TP Hồ Chí Minh (01 bản chính và 01 bản sao có chứng thực, BL 7267-7275).

- 01 (một) văn bản xác nhận của chủ đầu tư là Công ty TNHH Đ3, không đề số văn bản, ngày 17/4/2019 (bản chính, BL 7276).

- 01 (một) biên bản bàn giao căn hộ số 0073-D/2020/BBBGCH_SAFIRA ngày 08/7/2020 của Công ty TNHH Đ3 (bản chính, BL 7277-7279).

- 01 (một) phiếu thu số 100/2, ngày 21/02/2002, của Công ty Cổ phần Đ4 (bản chính, BL 7280).

- 01 (một) phiếu thu số 254/1, ngày 21/01 không đề năm, của Công ty Cổ phần Đ4 (bản chính BL 7282).

- 01 (một) hợp đồng đầu tư xây dựng nền nhà khu dân cư phường T, Quận A số 13/TTN ngày 24/01/2002 của Công ty cổ phần Đ4 (bản chính, BL 7281-7284).

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 5907057 của xe ô tô biển số 51D-088.52 do Chi nhánh Đ5 cấp ngày 14/01/2021 (bản chính, BL 7259).

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 6681402 của xe ô tô biển số 51D-263.54 do Chi nhánh Đ5 cấp ngày 02/7/2021 (bản chính, BL 7258).

- 01 (một) giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp số 263.54-1000 của ngân hàng V5 Chi nhánh G1 ngày 28/10/2021 (bản chính, BL 7264).

- 01 (một) giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 533, do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Đ cấp lần thứ nhất ngày 12/6/2017 (bản photo có xác nhận và đóng dấu của Ban Q2, BL 7265).

- 01 (một) hợp đồng mua bán căn hộ số D1.20.10/HĐMBCH/01/SAFIRA, lập ngày 26/11/2018, giữa Công ty TNHH Đ3 và ông Nguyễn Lý N8 (bản chính, BL 7298-7329).

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 442915 do Phòng C7 Công an T22 cấp cho xe ô tô biển số 51D-296.01 ngày 21/02/2019 của (bản sao, BL 7260).

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số 6149628 của xe ô tô biển số 51D-296.01 do Trung tâm đăng kiểm định xe cơ giới - Cục Đ6 cấp ngày 23/3/2021 (*bản chính, BL 7261*).

- 01 (một) giấy Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 240187 do Phòng C7 Công an T22 cấp cho xe ô tô biển số 51D-088.52 ngày 06/01/2017 của (*bản chính, BL 7257*).

- 01 (một) giấy Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 442915 do Phòng C7 Công an T22 cấp cho xe ô tô biển số 51D-296.01 ngày 21/02/2019 của (*bản chính, BL...*).

Cùng một số tài liệu, giấy tờ liên quan đến dự án “*Nhà màng VietGAP*”, dự án “*Nhà màng nông nghiệp*”;

- Viện KSND tỉnh Đ đã kê biên 05 thửa đất và 02 xe ô tô, cụ thể:

+ 01 (một) thửa đất số 05 tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 67, tờ bản đồ số 238) tại địa chỉ: Hầm T, thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 304052, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/01/2012. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 19/08/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 06 tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 63, tờ bản đồ số 238) tại địa chỉ: C, thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 304078 , do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/01/2012. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 19/08/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 03 tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 672632, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2013. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 15/01/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 79 tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 672633 , do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2013. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 15/01/2019;

- 01 (một) thửa đất số 26 tờ bản đồ số 238 tại địa chỉ: Khu G, Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 526899 , do UBND huyện B,

tỉnh Bình Thuận cấp ngày 20/06/2019. Đắt do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 07/10/2019;

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Fuso loại xe tải có mui, màu sơn trắng, số máy 0951D0027008, số khung 62SBGP026980, biển số 51D-088.52; tên chủ xe: Công ty TNHH N9, địa chỉ 5 đường T, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh;

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Ford loại xe tải pickup cabin kép, màu sơn trắng, số khung FF60KW932244, số máy YN2QW932244, số chỗ ngồi 05, biển số 51D-296.01; tên chủ xe: Công ty TNHH N9, địa chỉ 5 đường T, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (BL...).

Tại Cáo trạng số: 03/CT-VKS-P3 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K về tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*” quy định tại khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị cáo Lê Thị An N1, Nguyễn Ngọc P3 và Trần Thị Huỳnh H3 về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2023/HS-ST ngày 30-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

[1] Về hình phạt và điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quang T** phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T **13 (mười ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày: 02/02/2021.

- Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hồng Đăng K** phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K **12 (mười hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2021.

[2] Về bồi thường dân sự:

Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 30 và 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Căn cứ vào các Điều 247; khoản 5 Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải bồi thường cho Sở khoa học và công nghệ Đ 13.415.177.894 đồng (*Mười ba tỷ bốn trăm mười lăm triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi tư đồng*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K phải bồi thường cho Sở khoa học và công nghệ Đ 13.415.177.894 đồng (*Mười ba tỷ bốn trăm mười lăm triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi tư đồng*).

[3]. Về xử lý vật chứng.

- Tiếp tục kê biên tài sản của bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K và tạm giữ các giấy tờ liên quan để đảm bảo thi hành án gồm:

+ 01 (một) thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 67, tờ bản đồ số 238) tại địa chỉ: Hầm T, thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 304052, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/01/2012. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 19/08/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 06 tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 63, tờ bản đồ số 238) tại địa chỉ: C, thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 304078 , do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/01/2012. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 19/08/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 03 tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 672632, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2013. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 15/01/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 79 tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 672633 , do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2013. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 15/01/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 26 tờ bản đồ số 238 tại địa chỉ: Khu G, Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 526899 , do UBND huyện B,

tỉnh Bình Thuận cấp ngày 20/06/2019. Đát do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 07/10/2019;

(Theo lệnh kê biên số 642/LKB-VKS-P3 ngày 19/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Lê Thị An N1, Nguyễn Ngọc P3, Trần Thị Huỳnh H3, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 07/7/2023, bị cáo Nguyễn Quang T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh và xử bị cáo mức án phù hợp.

Vào ngày 09/7/2023, bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Quang T thừa nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu nhưng cho rằng hành vi của bị cáo chỉ là thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng chứ không cấu thành tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, từ đó xin Hội đồng xét xử xem xét tuyên cho bị cáo mức án phù hợp với hành vi của bị cáo. Ngoài ra, xin Hội đồng xét xử xem xét lại

Bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K thừa nhận hành vi phạm tội như bản án đã nêu. Bị cáo nhận thức hành vi sai phạm của bị cáo là vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng chứ bị cáo không phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, vì bị cáo không phải là công chức nhà nước. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục thêm số tiền 300.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời xem xét lại vấn đề trách nhiệm dân sự buộc bị cáo liên đới bồi thường 28.021.350.787đ là không đúng. Ngoài ra, yêu cầu xem xét lại vấn đề kê biên tài sản của bị cáo vì bị cáo thực hiện dự án với tư cách đại diện công ty N10 cần phải kê biên tài sản của pháp nhân công ty này trước, nếu không đủ thì mới kê biên đến tài sản của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang T là Luật sư Nguyễn Văn M trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội danh “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” là chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, chưa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, bị cáo không cố ý thông đồng với ông S1, không phạm tội 02 lần trở lên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm

nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K là Luật sư Nguyễn Huy H1, Phan Hồng V1 thống nhất trình bày: Bị cáo K đã nhận thức được mình có lỗi, nguyên nhân dẫn đến hậu quả là khách quan, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục một phần hậu quả, được tặng bằng khen doanh nhân trẻ. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục thêm 300.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Đối với bị cáo Nguyễn Quang T, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, là đúng người đúng tội, không oan sai. Việc cấp sơ thẩm xác định bị cáo phải chịu trách nhiệm dân sự đối với số tiền thiệt hại là đúng. Kháng cáo của bị cáo không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, là đúng người đúng tội, không oan sai. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp thêm 300.000.000 đồng khắc phục hậu quả đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và kê biên tài sản của bị cáo, cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật nên kháng cáo của bị cáo về phần này không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K đã thừa nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, Kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

[2.1] Quá trình lập hồ sơ, báo cáo thuyết minh, báo cáo kinh tế kỹ thuật và triển khai thực hiện dự án “*Nhân rộng mô hình sản xuất rau, quả trong nhà màng theo tiêu chuẩn V3*”v (dự án “*Nhà màng VietGap*”) và dự án “*Nhà màng nông nghiệp*” tại Trung tâm Ư (UDCNSHĐN), Nguyễn Quang T (Giám đốc Trung tâm UDCNSHĐN), Nguyễn Hồng Đăng K (Giám đốc Công ty N11 Giám đốc Công ty TNHH N10 Trí N3) và một số cá nhân tại Sở KHCN, Trung tâm UDCNSHĐN đã có các sai phạm trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

- Đối với dự án “*Nhà màng VietGap*”.

Đây là dự án khoa học công nghệ đã được UBND tỉnh Đ phê duyệt theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 05/2/2015 và giao trách nhiệm cho Phạm Văn S1 (Giám đốc Sở KHCN) tổ chức, quản lý triển khai thực hiện với tổng kinh phí dự án là 86.799.600.000 đồng, trong đó nguồn kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ là 16.041.690.000 đồng và nguồn kinh phí khác là 70.757.910.000 đồng do Công ty N10 Nguyễn bỏ vốn đầu tư. Thời gian thực hiện dự án từ tháng 04/2015 đến tháng 10/2017 và được gia hạn đến tháng 06/2018 với mục tiêu xây dựng được mô hình sản xuất rau, quả theo tiêu chuẩn VietGap tại xã X, huyện C thành điểm trình diễn phục vụ công tác đào tạo, tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, bao tiêu đầu ra giúp bà con nông dân, doanh nghiệp phát triển và nhân rộng phương pháp trồng rau ứng dụng công nghệ cao đạt năng suất, chất lượng cao.

Quá trình tổ chức xét duyệt hồ sơ thuyết minh dự án “*Nhà màng VietGAP*”, Phạm Văn S1 đã không lập biên bản mở hồ sơ đăng ký xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh theo quy định; trong hồ sơ thuyết minh dự án do Nguyễn Quang T (Chủ nhiệm dự án) lập không có đầy đủ các văn bản, giấy tờ như: Đơn đăng ký thực hiện đề tài, dự án; giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; văn bản cam kết pháp lý và các giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức tham gia dự án (ngày 02/02/2015 giữa Trung tâm UDCNSHĐN và Công ty N10 ký giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu và ngày 04/11/2015, Công ty N10 có văn bản cam kết tham gia dự án). Đồng thời, trong báo cáo thuyết minh dự án không ghi

cụ thể địa điểm, vị trí xây dựng 120.000m² nhà màng và không nêu rõ phương án huy động vốn từ nguồn khác tham gia dự án (nguồn vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước) kèm theo các văn bản pháp lý chứng minh về khả năng huy động vốn từ nguồn khác theo mẫu quy định ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ K5 và Công nghệ nhưng Phạm Văn S1 vẫn đưa hồ sơ này vào để xét duyệt. Tại cuộc họp Hội đồng KHCN chuyên ngành vào ngày 25/12/2014 và tại cuộc họp Hội đồng KHCN cấp tỉnh vào ngày 20/01/2015 đều do Phạm Văn S1 làm Chủ tịch Hội đồng đã tiến hành họp thống nhất thông qua thuyết minh dự án “*Nhà màng VietGap*”. Sau khi thông qua thuyết minh dự án, Phạm Văn S1 cũng không chỉ đạo thành lập Tổ thẩm định kinh phí để tiến hành thẩm định nguồn kinh phí thực hiện đối với dự án “*Nhà màng VietGap*” theo quy định nhưng vẫn tham mưu trình UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 329/QĐ-UBND nêu trên. Tiếp đó, Phạm Văn S1 đã trực tiếp ký hợp đồng nghiên cứu khoa học số 179/HĐ-SKHCN ngày 14/4/2015 với Trung tâm U triển khai, thực hiện không đúng thẩm quyền, vi phạm Điều 27 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

Do xác định việc lắp dựng 03 khối nhà màng số 4, 6, 9 có tổng diện tích 22.080m² sử dụng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước là gói thầu mua sắm thiết bị nên Phạm Văn S1 và Nguyễn Quang T13 không xác định cụ thể tọa độ, vị trí lắp dựng 03 khối nhà màng này và không triển khai thực hiện các giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, tổ chức thi công, nghiệm thu 03 khối nhà màng theo quy định của pháp luật đối với dự án có cấu phần xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 44 Luật Đầu tư công năm 2014 và khoản 10 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014. Mặt khác, do có sự thỏa thuận bằng miệng từ trước giữa Phạm Văn S1 và Nguyễn Hồng Đăng K (Giám đốc Công ty N10) về hợp tác công tư bằng việc, Trung tâm UDCNSHĐN góp vốn bằng các khối nhà màng trên, còn Công ty N10 Nguyễn góp đất đã thuê để thực hiện dự án “*Nhà màng VietGAP*”. Do đó, Phạm Văn S1, Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K đã cố ý lắp dựng 03 khối nhà màng số 4, 6, 9 trái quy định trên thửa đất số 61, tờ bản đồ số 04 xã X, huyện C đã được UBND tỉnh Đ cho Công ty N10. Sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình, 03 khối nhà màng này đã được Nguyễn Hồng Đăng K chiếm dụng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty N10 thiệt hại tài sản của Nhà nước số tiền 14.160.500.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình tham gia họp thẩm định, họp kiểm tra đánh giá tiến độ thực hiện dự án Phạm Văn S1 và Nguyễn Quang T đều không yêu cầu Công ty N10 Nguyễn bổ sung hồ sơ chứng minh năng lực tài chính và các giấy tờ xác nhận về việc góp vốn; không yêu cầu tổ chức kiểm tra, xác minh nguồn kinh phí đối ứng số tiền 70.757.910.000 đồng mà Công ty N10 đã cam kết góp

vốn theo quy định, dẫn đến Công ty N10 đã không đủ năng lực tài chính để phối hợp thực hiện dự án như đã cam kết làm cho nguồn kinh phí nhà nước cấp cho dự án “Nhà màng VietGAP” bị thất thoát, gây thiệt hại số tiền nêu trên.

- Đối với dự án “Nhà màng nông nghiệp”.

Dự án này đã được UBND tỉnh Đ ký Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 31/7/2015, về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án “Nhà màng nông nghiệp” và giao cho Trung tâm UDCNSHĐN là chủ đầu tư dự án, địa điểm xây dựng 02 khối nhà màng, mỗi khối có diện tích 8.670m² với tổng mức đầu tư là 14.500.000.000 đồng; địa điểm xây dựng tại vị trí khu đất ký hiệu VTN1 – chức năng đất vườn thực nghiệm thuộc Trung tâm UDCNSHĐN tại xã X, huyện C.

Tuy nhiên, tại thời điểm lập hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật do Công ty K2 Mở lập tháng 02/2015, thì vị trí phía bắc khu VTN1 đã tồn tại nhiều hạng mục công trình, gồm: 04 nhà màng và 02 nhà lưới trồng lan, 01 nhà điều khiển tưới và 01 nhà kho đã triển khai và hoàn thành từ năm 2011, 2013 với diện tích đất là 22.632m² không còn đủ diện tích đất để xây dựng nhưng trong Công văn số 112/CV-UCS ngày 16/6/2015 của Trung tâm UDCNSHĐN gửi Sở Xây dựng tỉnh Đ giải trình vị trí xây dựng 02 khối nhà màng nông nghiệp được đặt tại khu đất Vườn thực nghiệm (VTN1) của Trung tâm UDCNSHĐN là phù hợp (tờ họa đồ vị trí kèm theo Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án “Nhà màng nông nghiệp” do Công ty K2 Mở lập thể hiện 02 khối nhà màng của dự án này nằm ở vị trí phía bắc khu đất VTN1) và đề nghị Sở Xây dựng tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Nhà màng nông nghiệp”; ngày 17/6/2015, Phạm Văn S1 cũng căn cứ vào Công văn số 112/CV-UCS của Trung tâm UDCNSHĐN tiếp tục ban hành Công văn số 770/SKHCHN-UCS đề nghị Sở xây dựng tỉnh Đ trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Nhà màng nông nghiệp”. Do phía bắc vị trí khu đất VTN1 không còn đủ diện tích để xây dựng, mặt khác do có sự thỏa thuận bằng miệng từ trước giữa Phạm Văn S1 và Nguyễn Hồng Đăng K về hợp tác công tư bằng việc Trung tâm UDCNSHĐN góp vốn bằng các khối nhà màng trên, còn Công ty N10 Nguyễn góp đất đã thuê để thực hiện dự án nên Phạm Văn S1, Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K tiếp tục xây dựng 02 khối nhà màng số 3, số 5 trái quy định trên thửa đất số 61, tờ bản đồ số 04 xã X, huyện C đã được UBND tỉnh Đ cho Công ty Trí Nguyễn t, vi phạm khoản 1 Điều 111 và điểm c khoản 2 Điều 112 Luật Xây dựng 2014. Mặc dù, quá trình tổ chức thi công xây dựng, nghiệm thu, lập bản vẽ hoàn công 02 khối nhà màng nông nghiệp số 3, số 5 vẫn được thể hiện vị trí xây dựng tại phía bắc khu đất Vườn thực nghiệm (VTN1). Sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình, 02 khối nhà màng này đã được Công ty T6

Nguyễn chiếm dụng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty N10 thiệt hại tài sản của Nhà nước số tiền 13.860.850.787 đồng.

Như vậy, hành vi của Phạm Văn S1, Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K đã cố ý xây dựng 05 khối nhà màng của 02 dự án “*Nhà màng VietGAP*” và “*Nhà màng nông nghiệp*” trái quy định của pháp luật trên đất của Công ty N10 và để Nguyễn Hồng Đăng K chiếm dụng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty N10, thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 28.021.350.787 đồng. Trong đó, bị can Phạm Văn S1 là người chủ mưu cầm đầu, chỉ đạo bị cáo Nguyễn Quang T và thỏa thuận với bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K đặt 05 khối nhà màng xây trên đất của Công ty N10 do K làm Giám đốc, còn các bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K là người giữ vai trò giúp sức, thực hành tích cực, gây thất thoát, thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền nêu trên.

[2.2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây thất thoát ngân sách nhà nước. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên phải cùng chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

[2.3] Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo quy định tại khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.4] Đối với bị can Phạm Văn S1, trong thời hạn tạm đình chỉ việc giải quyết kiến nghị khởi tố, bị can Phạm Văn S1 đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 02/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ đã ra Quyết iddnhj truy nã số 06/QĐ-CSKT (Đ4) và Văn phòng C8 đã ra Lệnh truy nã quốc tế. Ngày 26/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 05/QĐ-CSKT (Đ4), Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án số 16/QĐ-CSKT (Đ4) và Quyết định tạm đình chỉ điều tra số 02/QĐ-CSKT (Đ4) đối với Phạm Văn S1 về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình gây hậu quả nghiêm trọng”. Kết quả điều tra xác định, Phạm Văn S1 đã có hành vi phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” quy định tại Khoản 3 Điều 219 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Đối với kháng cáo về hình sự:

[3.1.1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang T.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, theo bị cáo cho rằng lỗi của bị cáo trong vụ án này là lỗi chủ quan nên hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tuy nhiên, như phân tích trên, bị cáo T ngay từ ban đầu đã có sự phối hợp chặt chẽ với Phạm Quang S4 thực hiện các hành vi trái pháp luật như: chọn dự án không theo thứ tự ưu tiên, vi phạm luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, vi phạm luật đấu thầu, vi phạm thẩm quyền phê duyệt ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại luật khoa học và công nghệ, vi phạm luật xây dựng; Chi xây dựng các khối nhà màng bằng nguồn vốn sự nghiệp khoa học thay vì chi từ nguồn vốn đầu tư công. Bản thân bị cáo T nhận thức được hành vi của mình, nhưng vẫn cố ý cùng với các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước nên bị cáo cho rằng chỉ có lỗi chủ quan là không phù hợp. Hơn nữa, quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận các sai phạm như: bị cáo là chủ nhiệm dự án nhưng ủy quyền cho Lê Thị An N1 ký hợp đồng 179/HĐ-SKH/CN ngày 14/4/2015 với Sở Khoa học công nghệ là sai quy định mà phải thuộc quyền UBND tỉnh; ủy quyền cho Lê Thị An N1 ký hợp đồng nghiên cứu khoa học số 179 và 08 quyết định, 5 hợp đồng liên quan đến dự án là sai phạm; bị cáo ký hợp đồng khi chưa thẩm định kinh phí là sai; Dự án nhà màng VieGAP triển khai dự án theo công tác mua sắm thiết bị là sai (mà phải là dự án cấp phần xây dựng); Thẩm quyền xác định vị trí cho công ty TNHH T23 là của bị cáo và ông S4 nên bị cáo có trách nhiệm trực tiếp về việc xây dựng sai vị trí. Các sai phạm này đều có lỗi cố ý của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Khi lượng hình đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, có thành tích xuất sắc trong sản xuất chiến đấu... được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, gia đình có công với cách mạng quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó xử phạt bị cáo mức án 13 (mười ba) năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp 200.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[3.1.2] Đối với bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K: Tại Tòa bị cáo K thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận sai phạm nhưng do nhận thức pháp luật, bị cáo cho rằng bị cáo không phải là người làm việc trong các cơ quan doanh nghiệp nhà nước nên không thể phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử

dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” mà bị cáo chỉ phạm tội “vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên thì bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực, gây thất thoát, thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 28.021.350.787 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” là có căn cứ.

Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là bị cáo thành khẩn khai báo, khắc phục một phần thiệt hại quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo 12 năm tù.

Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài các tình tiết mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo K còn có các tình tiết giảm nhẹ khác như bị cáo được Ủy ban thường vụ Hội L8 tặng bằng khen Doanh nhân trẻ Việt Nam tiêu biểu năm 2017, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết này cho bị cáo.

Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm, bị cáo còn xuất trình tình tiết mới là tác động người thân nộp tiền khắc phục hậu quả thêm 300.000.000 đồng, cho thấy thái độ hối cải và tích cực khắc phục hậu quả của bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới như nêu trên nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.2] Đối với kháng cáo của các bị cáo về trách nhiệm dân sự: như phân tích trên, bị cáo T và K là đồng phạm với Sáng cùng gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, kết quả giám định xác định tổng số tiền thiệt hại 28.021.350.787đ. 02 dự án nhà màng từ khi khởi công cho đến hoàn thành 02 khối nhà màng đều vi phạm pháp luật, nhà nước đầu tư toàn bộ nhưng hoàn toàn không sử dụng mà bị cáo K khai thác sử dụng, hiện toàn bộ kinh phí xây dựng 02 khối nhà màng chưa được quyết toán nên các bị cáo phải bồi thường toàn bộ là phù hợp. Phạm Văn S1 là chủ mưu cầm đầu, chỉ đạo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K là người giữ vai trò giúp sức, thực hành tích cực gây thất thoát cho ngân sách nhà nước. Trách nhiệm bồi thường thuộc về 3 người. Do Phạm Văn S1 đã bỏ trốn nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo T, K phải liên đới bồi chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ và giành quyền khởi kiện cho bị cáo T và K đối với Phạm Văn S1 (khi bắt được Phạm Văn S1) bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu là đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo về trách nhiệm dân sự của các bị cáo T và K là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Đối với kháng cáo của bị cáo K về biện pháp tư pháp:

Bị cáo cho rằng thực hiện dự án với tư cách đại diện công ty N10 cần phải kê biên tài sản của pháp nhân công ty này trước, nếu không đủ thì mới kê biên đến tài sản của bị cáo. Tuy nhiên, hành vi gây thiệt hại là do bị cáo K thực hiện, trách nhiệm bồi thường thuộc về cá nhân bị cáo nên việc kê biên các tài sản của bị cáo để đảm bảo thi hành án là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang T; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K theo hướng phân tích trên. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Số tiền bị cáo Nguyễn Quang T đã nộp 200.000.000 đồng, Nguyễn Hồng Đăng K đã nộp là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng tại cấp phúc thẩm sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K không phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2023/HS-ST ngày 30-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K.

Tuyên xử:

[1] Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày: 02/02/2021.

[2] Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2021.

[3] Về bồi thường dân sự:

Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 30 và 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Căn cứ vào các Điều 247; khoản 5 Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải bồi thường cho Sở khoa học và công nghệ Đ 13.415.177.894 đồng (*Mười ba tỷ bốn trăm mười lăm triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi tư đồng*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K phải bồi thường cho Sở khoa học và công nghệ Đ 13.415.177.894 đồng (*Mười ba tỷ bốn trăm mười lăm triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi tư đồng*).

[4] Về xử lý vật chứng.

- Tiếp tục kê biên tài sản của bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K và tạm giữ các giấy tờ liên quan để đảm bảo thi hành án gồm:

+ 01 (một) thửa đất số 05, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 67, tờ bản đồ số 238) tại địa chỉ: Hầm T, thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 304052, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/01/2012. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 19/08/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 06 tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 63, tờ bản đồ số 238) tại địa chỉ: C, thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 304078, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/01/2012. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 19/08/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 03 tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 672632, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2013. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 15/01/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 79 tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 672633, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2013. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 15/01/2019;

+ 01 (một) thửa đất số 26 tờ bản đồ số 238 tại địa chỉ: Khu G, Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 526899, do UBND huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 20/06/2019. Đất do Nguyễn Hồng Đăng K nhận chuyển nhượng ngày 07/10/2019;

(Theo lệnh kê biên số 642/LKB-VKS-P3 ngày 19/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.)

[5] Số tiền bị cáo Nguyễn Quang T đã nộp tại cấp phúc thẩm là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng theo biên lai thu số 0000495 ngày 30/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

Số tiền bị cáo Nguyễn Hồng Đăng K đã nộp tại cấp phúc thẩm là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng theo các biên lai thu số 0000491 ngày 27/5/2024 và biên lai thu số 0000496 ngày 30/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K không phải chịu.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Quang T và Nguyễn Hồng Đăng K mỗi bị cáo phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai; (3)
- VKSND tỉnh Đồng Nai; (1)
- Công an tỉnh Đồng Nai; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai; (1)
- Cục THA DS tỉnh Đồng Nai (1)
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (1)
- Các bị cáo; (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 19b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy